



NGUYỄN THỊ LY KHA (Chủ biên)
TRỊNH CAM LY – PHẠM THỊ KIM OANH

Vở bài tập **TIẾNG VIỆT**



TẬP MỘT



NHA XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ LY KHA (Chủ biên)
TRỊNH CAM LY – PHẠM THỊ KIM OANH

Vở bài tập **TIẾNG VIỆT**



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BẢNG KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH

(3), (5): Bài tập tự chọn

M: Mẫu



Chữa lỗi



Tự đánh giá

SGK: Sách giáo khoa Tiếng Việt 2, tập một
tr.: trang

Chân trời sáng tạo

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh yêu quý!

Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập một là một tài liệu học tập kèm theo sách giáo khoa **Tiếng Việt 2, tập một – Chân trời sáng tạo**. Các bài tập được biên soạn theo sát từng bài học trong sách giáo khoa, nhằm giúp các em ôn luyện, củng cố, mở rộng các nội dung đã được học.

Các em ghi nhớ ý nghĩa của từng kí hiệu ở trang 2 cuốn vở này để thực hiện đúng các yêu cầu học tập trong từng bài học.

Chúc các em tìm thấy niềm vui, niềm yêu thích và những điều bổ ích khi học những bài học từ bộ sách **Tiếng Việt 2 – Chân trời sáng tạo**.

Các tác giả

EM ĐÃ LỚN HƠN (TUẦN 1 – 2)

Bài 1:	Bé Mai đã lớn	6
Bài 2:	Thời gian biểu	7
Bài 3:	Ngày hôm qua đâu rồi?	10
Bài 4:	Út Tin	11

MỖI NGƯỜI MỘT VẼ (TUẦN 3 – 4)

Bài 1:	Tóc xoăn và tóc thẳng	15
Bài 2:	Làm việc thật là vui	16
Bài 3:	Những cái tên	19
Bài 4:	Cô gió	20

BỐ MẸ YÊU THƯƠNG (TUẦN 5 – 6)

Bài 1:	Bộ rùa tìm mẹ	23
Bài 2:	Cánh đồng của bố	24
Bài 3:	Mẹ	28
Bài 4:	Con lợn đất	29

ÔNG BÀ YÊU QUÝ (TUẦN 7 – 8)

Bài 1:	Cô chủ nhà tí hon	34
Bài 2:	Bưư thiệp	35
Bài 3:	Bà nội, bà ngoại	38
Bài 4:	Bà tôi	39

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (TUẦN 9)

Ôn tập 1	43
Ôn tập 2	44
Ôn tập 3	46

Ôn tập 4	47
Ôn tập 5	50

NHỮNG NGƯỜI BẠN NHỎ (TUẦN 10 – 11)

Bài 1:	Cô chủ không biết quý tình bạn	52
Bài 2:	Đồng hồ báo thức	53
Bài 3:	Đồ đạc trong nhà	57
Bài 4:	Cái bàn học của tôi	58

NGÔI NHÀ THỨ HAI (TUẦN 12 – 13)

Bài 1:	Bàn tay dịu dàng	62
Bài 2:	Danh sách tổ em	63
Bài 3:	Yêu lắm trường ơi!	69
Bài 4:	Góc nhỏ yêu thương	70

BẠN THÂN Ở TRƯỜNG (TUẦN 14 – 15)

Bài 1:	Chuyện của thước kẻ	74
Bài 2:	Thời khoá biểu	76
Bài 3:	Khi trang sách mở ra	80
Bài 4:	Bạn mới	81

NGHỀ NÀO CŨNG QUÝ (TUẦN 16 – 17)

Bài 1:	Mẹ của Oanh	85
Bài 2:	Mục lục sách	87
Bài 3:	Cô giáo lớp em	90
Bài 4:	Người nặn tò he	92

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TUẦN 18)

Ôn tập 1	97
Ôn tập 2	98
Đánh giá cuối học kì I	101



(Tuần 1 – 2)

1. Nối từ ngữ với hình.

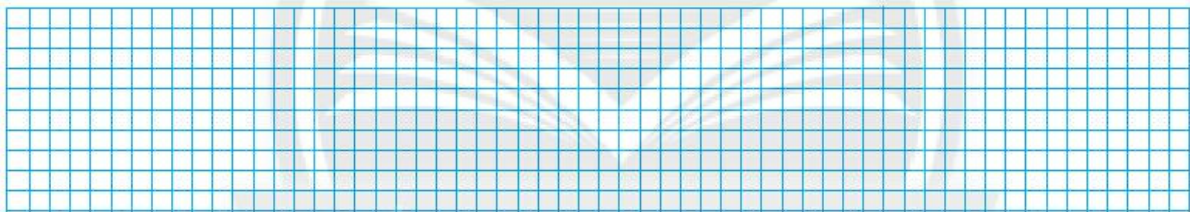
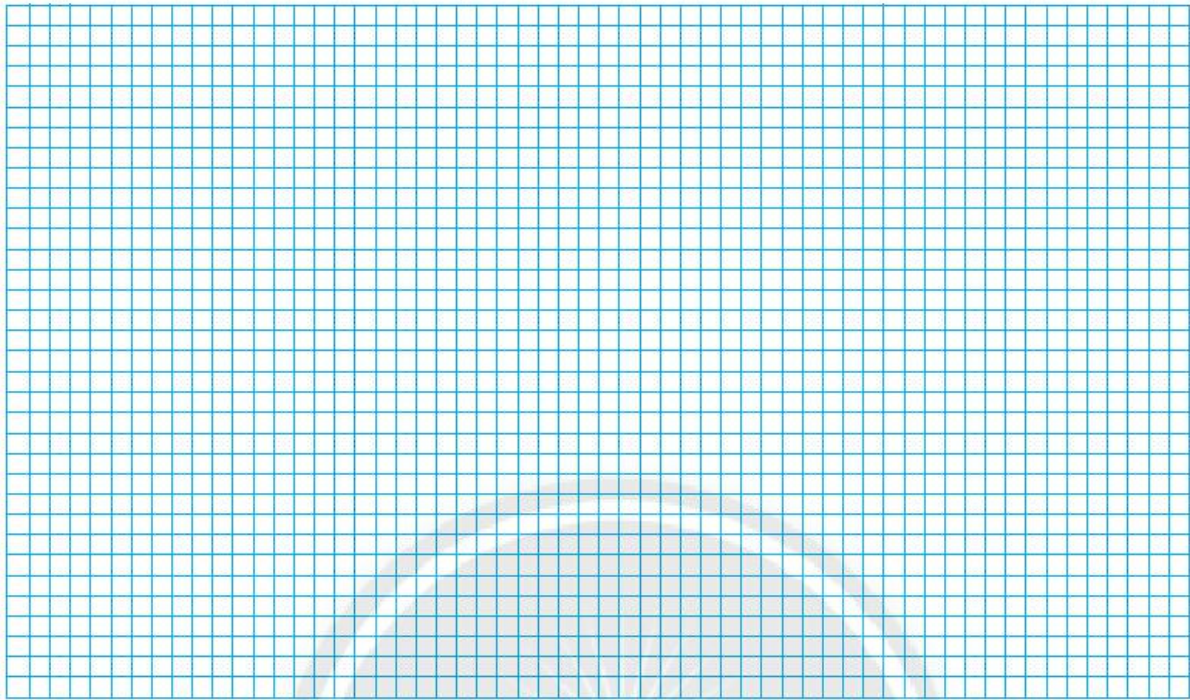


M: Phong đang quét nhà.



Bài 2: Thời gian biểu (SGK, tr.13)

1. Nghe – viết: **Bé Mai đã lớn** (từ đầu đến đồng hồ nữa).



2. Điền chữ cái thích hợp vào chỗ trống:

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
1	a	a
2		á
3	â	ớ
4		bê
5		xê
6		dê
7	đ	đê
8		e
9		ê



3. Điền chữ **c** hoặc chữ **k** vào chỗ trống:



4. Viết 2 – 3 từ ngữ:

a. Chỉ hoạt động của trẻ em. **M:** đọc sách

[illegible]

b. Chỉ tính nét của trẻ em. **M:** chăm chỉ

[illegible]

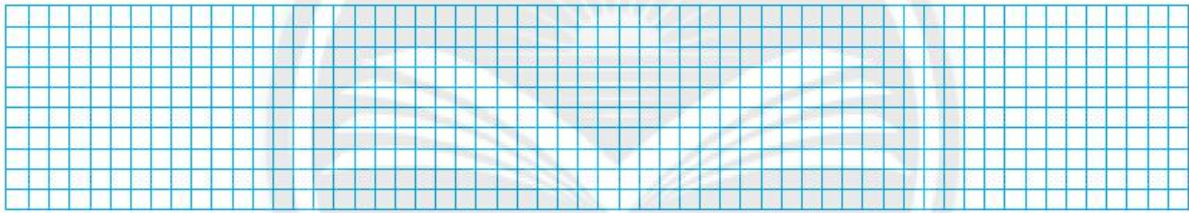
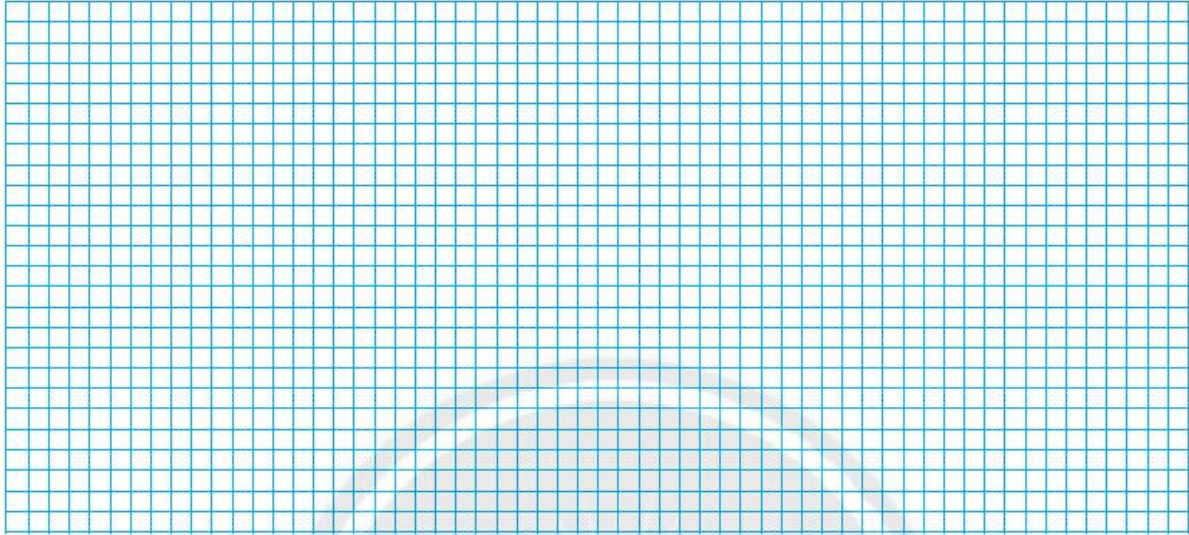
5. Viết một câu có từ ngữ ở bài tập 4.

[illegible]

6. Viết 2 – 3 câu tự giới thiệu dựa vào gợi ý:

- a. Tên em là gì?
- b. Em có sở thích gì?
- c. Ước mơ của em là gì?

...



7. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một truyện về trẻ em.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên truyện:

Tác giả:

Nhân vật:.....

.....



Bài 3: Ngày hôm qua đâu rồi? (SGK, tr.18)

1. Điền vào chỗ trống từ ngữ chỉ sự vật phù hợp với mỗi bức tranh:



M: cô giáo



2. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu dùng để giới thiệu.

☐ Em là học sinh lớp Hai.

☐ Em rất thích học bơi.

☐ Em đang tập thể dục.

3. Viết 1 – 2 câu giới thiệu bạn cùng lớp với em (theo mẫu).

Ai (cái gì, con gì)	là gì?
Bạn Ánh	là tổ trưởng tổ em.
.....	
.....	
.....	
.....	



Bài 4: Út Tin (SGK, tr.21)

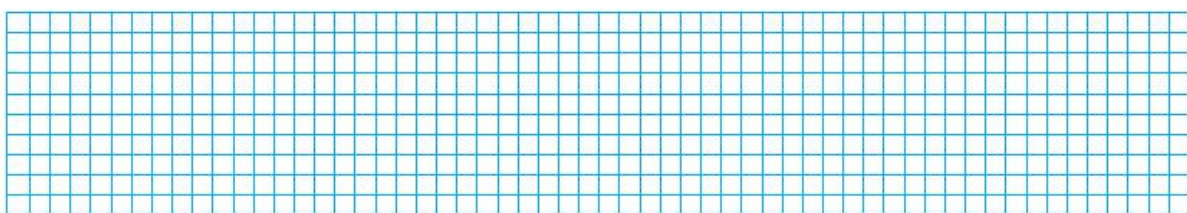
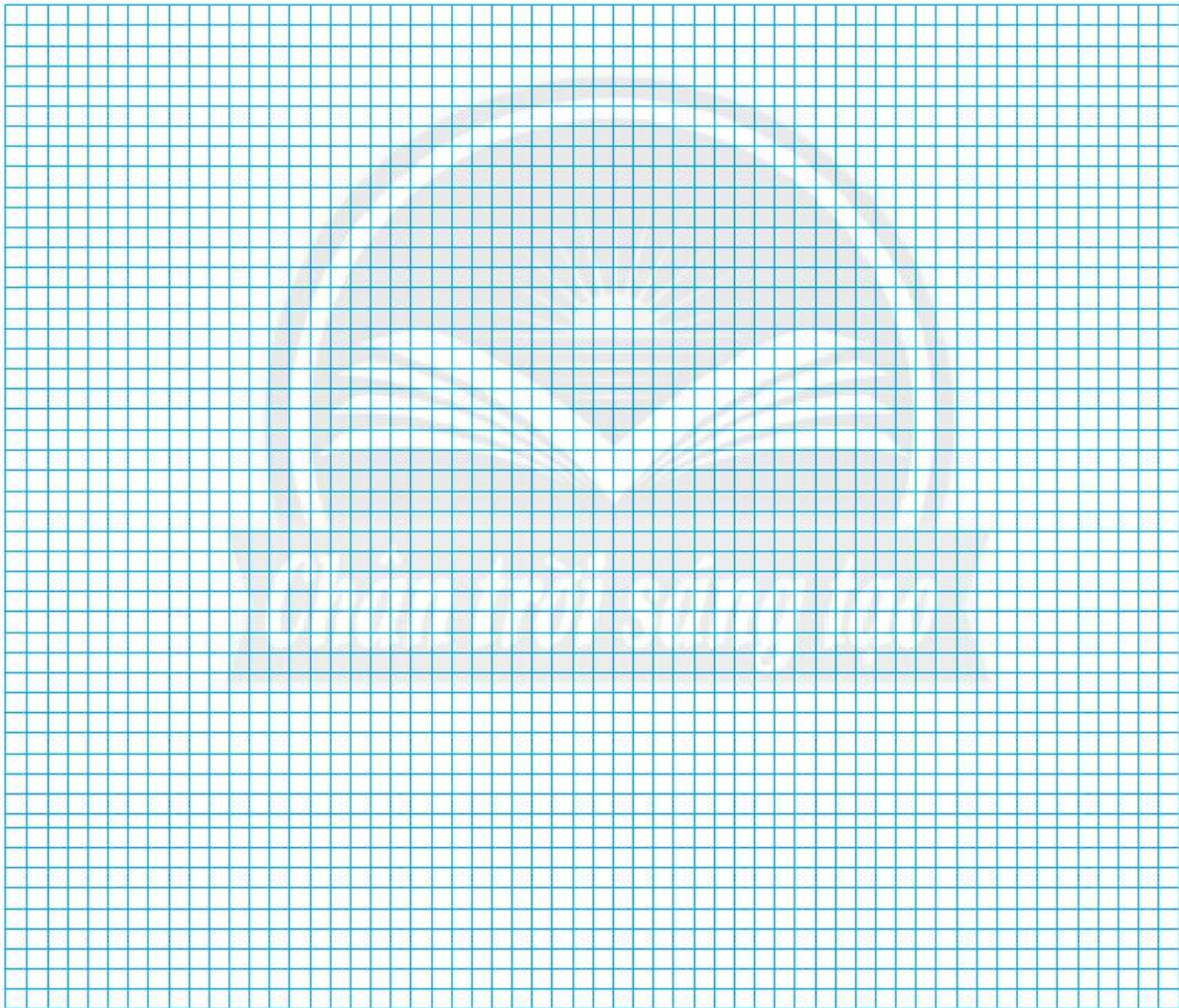
1. Nhìn – viết: Ngày hôm qua đâu rồi?.

Ngày hôm qua đâu rồi?

– Ngày hôm qua ở lại
Trong hạt lúa mẹ trồng
Cánh đồng chờ gặt hái
Chín vàng màu ước mong.

– Ngày hôm qua ở lại
Trong vở hồng của con
Con học hành chăm chỉ
Là ngày qua vẫn còn.

Bế Kiến Quốc



2. Điền chữ cái thích hợp vào chỗ trống:

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
10	g	giê
11		hát
12		i
13	k	ca
14		e-lờ
15	m	em-mờ
16		en-nờ
17		o
18		ô
19		ơ

3. Điền chữ **g hoặc chữ **gh** vào chỗ trống:**

Thời gian biểu của em

 ngủ dậy, xếp chănối	 đi học	 tan học
 tắmội	 ăn tối, lau bànế	 đi ngủ

4. Viết 3 từ ngữ:

a. Có tiếng **sách**. **M:** sách vở

[illegible]

b. Có tiếng **học**. **M:** học bài

[illegible]

5. Viết 1 – 2 câu có từ ngữ ở bài tập 4.

6. Lập thời gian biểu một buổi trong ngày của em. Trang trí thời gian biểu.

THỜI GIAN BIỂU

của

Giờ Buổi				
				

7. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài đọc về trẻ em.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài đọc:

Tác giả:

Thông tin em biết:

.....

.....

.....

.....

.....

Chân trời sáng tạo



MỖI NGƯỜI MỘT VẼ

(Tuần 3 – 4)

Bài 1: Tốc xoắn và tốc thẳng (SGK, tr.26)

1. Viết từ ngữ chỉ hoạt động của người, con vật trong tranh.



M: tưới cây

2. Viết câu hỏi và câu trả lời về người, con vật ở bài tập 1.

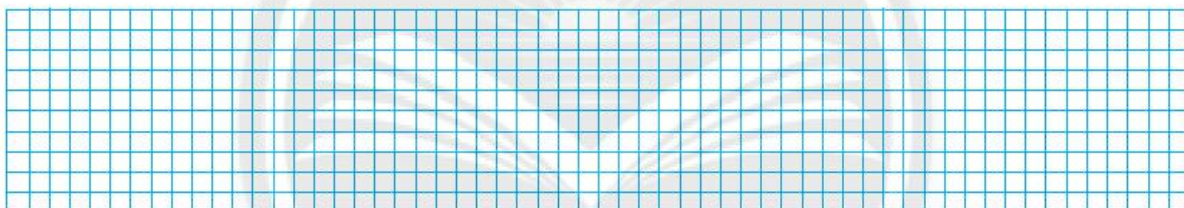
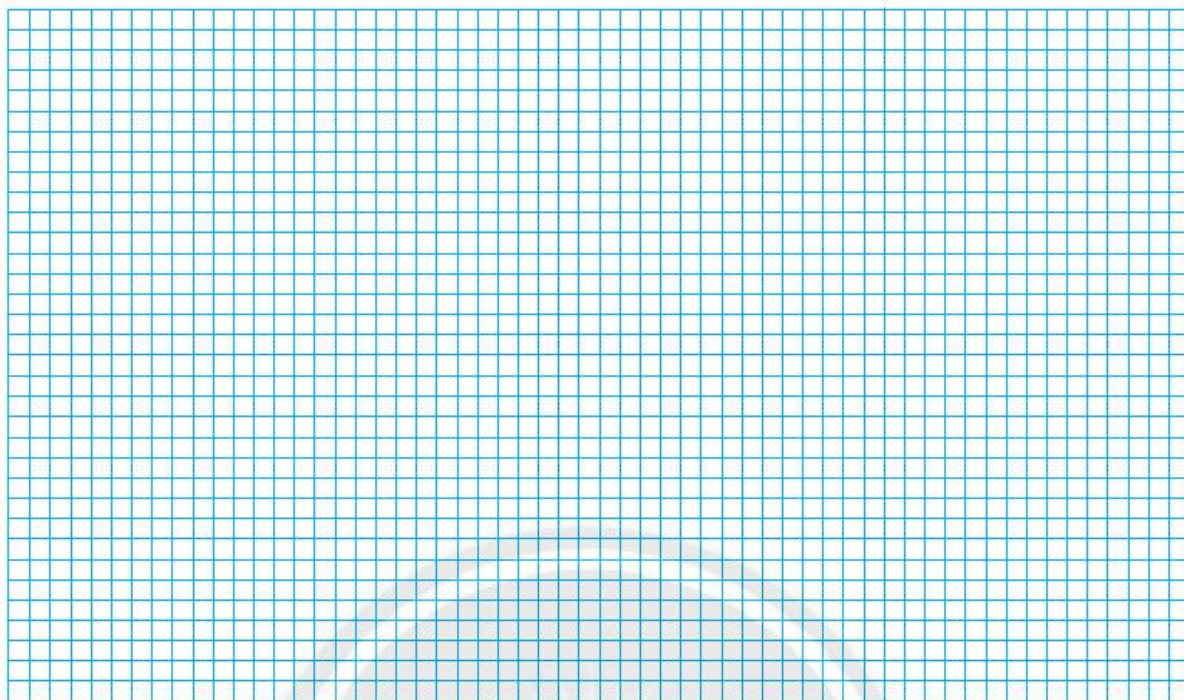
M: – Ai tưới cây?

→ **Bạn nhỏ** tưới cây.

A full-page sheet of graph paper featuring a uniform grid of small squares. The grid consists of 20 columns and 20 rows, creating a total of 400 squares. The lines are thin and light blue, set against a white background. There are no margins, text, or other markings on the page.

Bài 2: Làm việc thật là vui (SGK, tr.29)

1. Nghe – viết: *Làm việc thật là vui* (từ Bé làm bài đến hết).



2. Điền chữ cái thích hợp vào chỗ trống:

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
20		pê
21	q	quy
22		e-rờ
23		ét-sì
24		tê
25		u
26		ư
27		vê
28	x	ích-xì
29		i dài

(3) Điền vào chỗ trống:

a. Chữ **s** hoặc chữ **x**.

chiaè

...ung phong

...um hợp

b. Vần **en** hoặc vần **eng**.

áo l.....

cái k.....

dế m.....

4. Gạch dưới từ ngữ không cùng nhóm trong mỗi dòng sau:

a. bạn học, bạn bè, kết bạn, bạn thân

b. chạy bộ, bơi lội, tốt bụng, múa hát

5. Chọn từ ngữ ở bài tập 4 rồi điền vào chỗ trống:

An và Bích là đôi Cuối tuần, hai bạn thường quanh công viên. Mùa hè, hai bạn cùng tham gia câu lạc bộ

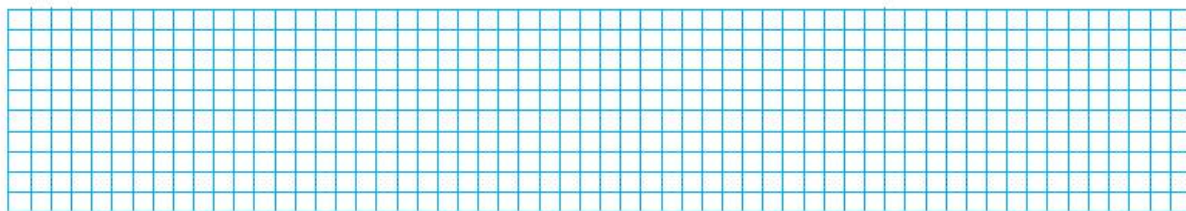


6. Viết 1 – 2 câu về một việc em thích làm trong ngày nghỉ cuối tuần.

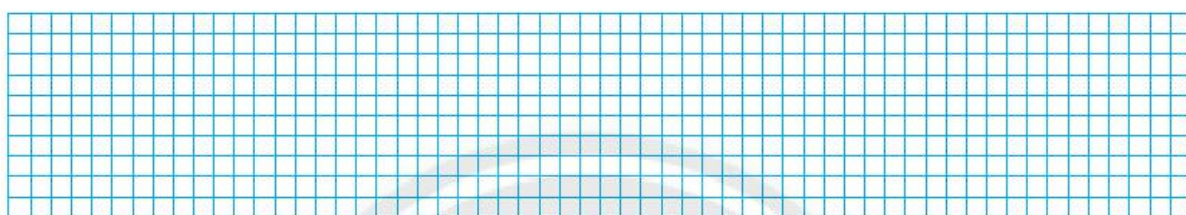
[illegible]

7. Viết lời cảm ơn của em trong từng trường hợp sau:

a. Bạn cho em mượn bút.



b. Bà tặng em một quyển truyện tranh rất đẹp.



8. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài thơ về trẻ em.

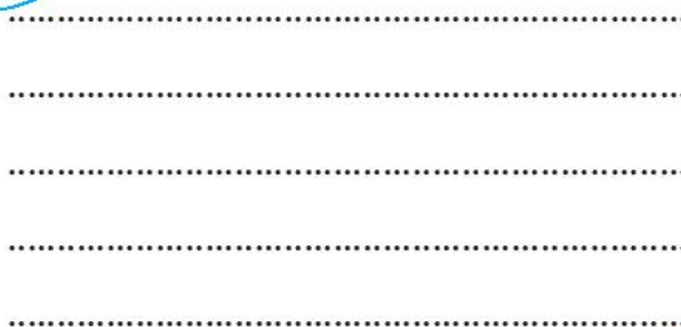


PHIẾU ĐỌC SÁCH

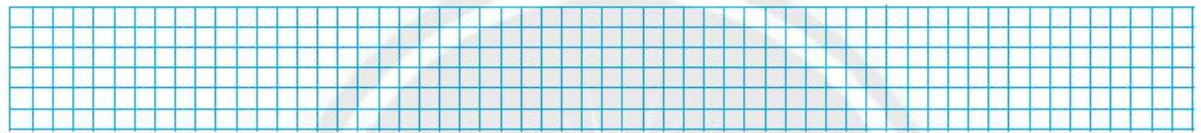
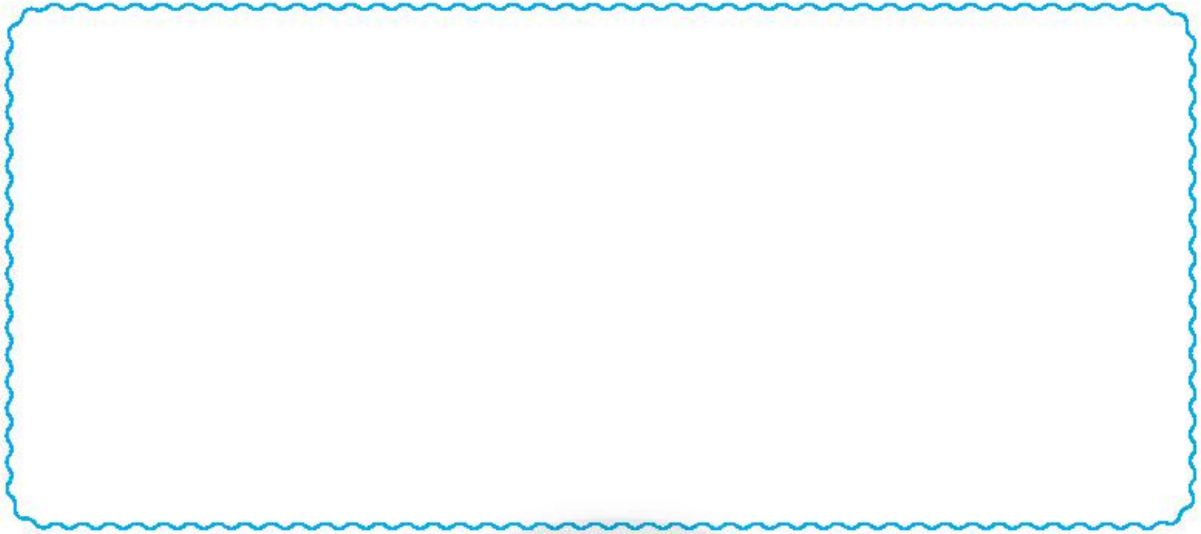
Tên bài thơ:

Tác giả:

Khổ thơ em thích:



9. Vẽ một đồ vật hoặc con vật được nhắc đến trong bài *Làm việc thật là vui*. Đặt tên cho bức vẽ.



Bài 3: Những cái tên (SGK, tr.34)

1. Viết và trang trí bảng tên của em.

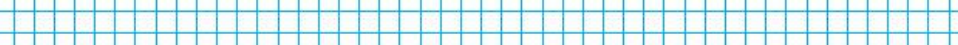


2. Viết các tên riêng có trong bài thơ *Những cái tên*.

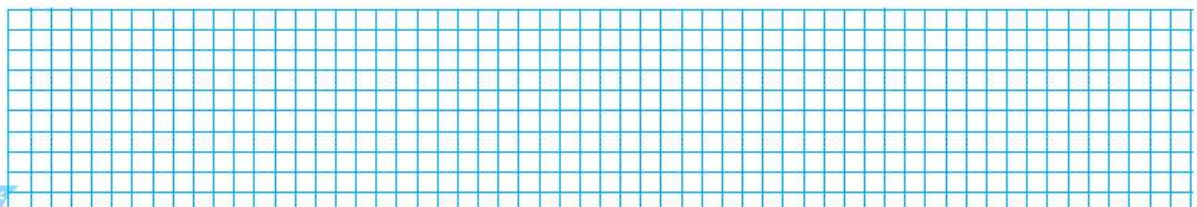


.....

.....



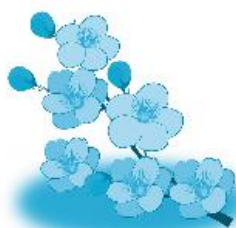
A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of small, uniform squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.



2. Viết các tiếng chứa vần ai hoặc vần ay có trong bài chính tả.



3. Viết từ ngữ có tiếng chứa vần ai hoặc vần ay để gọi tên từng sự vật dưới đây:



.....

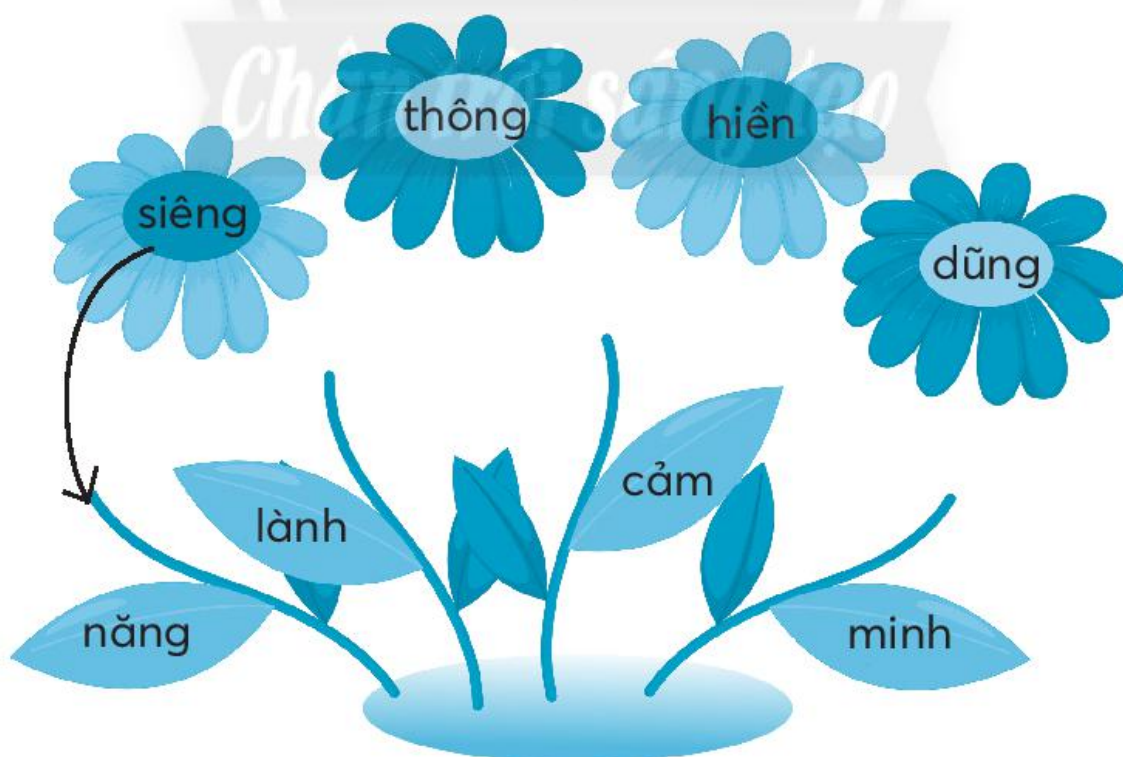


.....



.....

4. Nói.



5. Viết 1 – 2 câu có từ ngữ ghép được ở bài tập 4.

6. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài văn về trẻ em.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài văn:

Tác giả:

Từ ngữ em thích:

.....

.....

.....



3. Viết 1 – 2 câu nói về màu sắc của một vật.

This is a full-page image of a blank sheet of graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. The grid covers most of the page, leaving narrow margins at the top, bottom, and sides. There are no markings, text, or drawings on the grid itself.

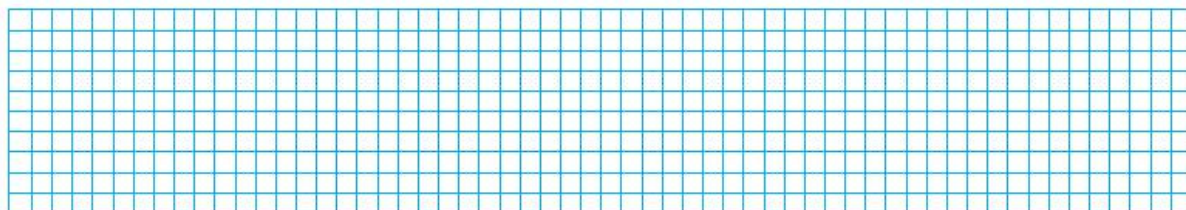
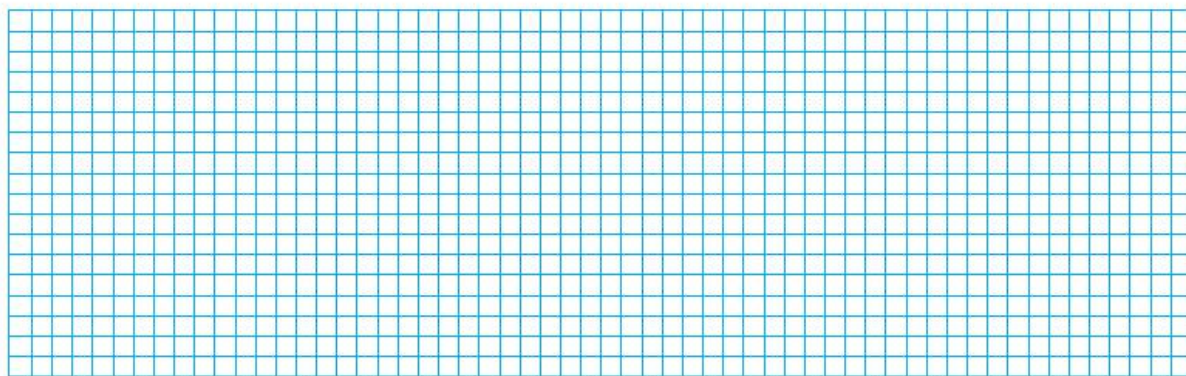
4. Tô màu đường về nhà của bộ rùa.



Bài 2: Cánh đồng của bố (SGK, tr.45)

1. Nghe – viết: *Bọ rùa tìm mẹ* (từ đầu đến lạc đường).

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. The paper has a white background and no margins or text are visible.



2. Điền chữ **ng** hoặc chữ **nh** vào chỗ trống:

Bọ rùa mãi chơi nên lạc mẹ. Nóĩ ra cách vẽ hình mẹ để nhờ các bạn tìm giúp. Gặp ai điang qua nó cũng hỏi. Mãi vẫn không tìm được mẹ, nóồi phịch xuống, khóc oà lên.

Theo Gờ-ri-ben

(3) Chọn tiếng trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống:

- a. Công cha như (lúi, núi) Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một (lòng, nòng) thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới (là, nà) đạo con.

Ca dao

- b. Ngày nào em bé cón con
Bây giờ em (đả, đã) lớn khôn thế này.
Cơm cha, áo mẹ, (chử, chữ) thầy
Kể sao cho bõ (nhửng, những) ngày ước ao.

Ca dao

4. Viết từ ngữ có nghĩa phù hợp với mỗi dòng dưới đây:

a. Người sinh ra em.

b. Người sinh ra bố em.

c. Người sinh ra mẹ em.

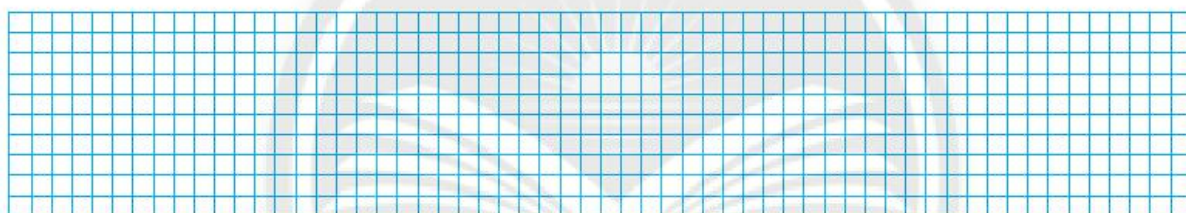
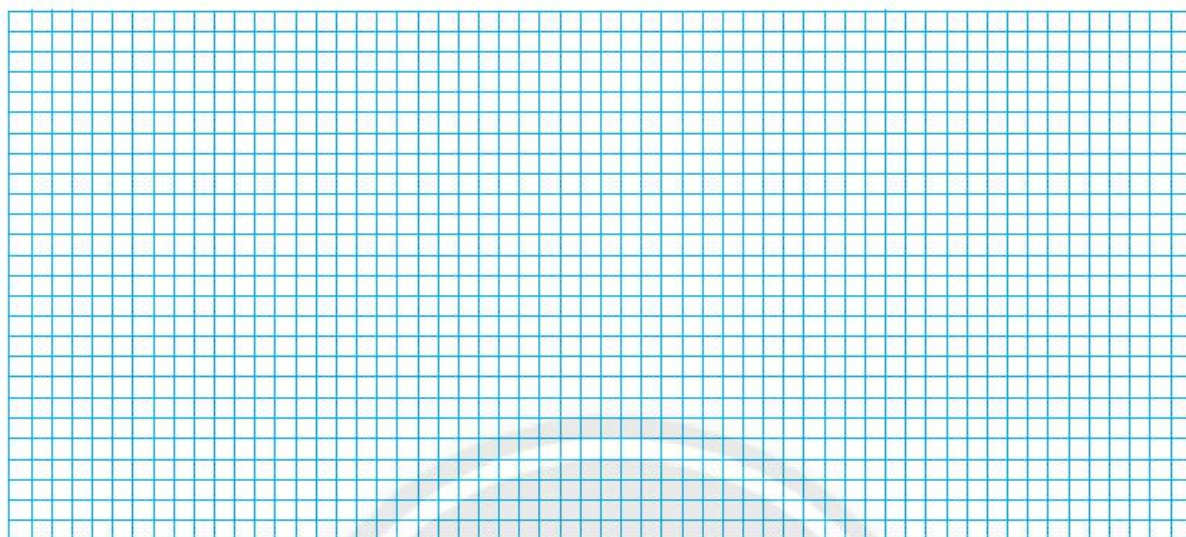
5. Viết thêm 3 – 5 từ chỉ người trong gia đình. M: anh, em,...

6. Viết 1 – 2 câu giới thiệu một người thân của em (theo mẫu).

Ai (cái gì, con gì)	là gì?
Bé Khuê	là em gái của mình.
.....	
.....	
.....	
.....	

7. Chọn một trong hai tình huống sau rồi viết tin nhắn báo cho người thân.

- a. Em tới trường đá bóng với mấy bạn cùng lớp.
- b. Em tới nhà bạn để học nhóm.



8. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một truyện về gia đình.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên truyện:

Nhân vật:

.....
.....
.....

Đặc điểm:

.....
.....
.....



Bài 3: Mẹ (SGK, tr.50)

1. Gạch dưới từ ngữ chỉ người trong khổ thơ dưới đây:

Đi về con chào mẹ
Ra vườn cháu chào bà
Ông làm việc trên nhà
Cháu lên: Chào ông ạ!

Phạm Cúc



2. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu dùng để kể về việc làm của mẹ.

- ☐ Mẹ em là cô giáo à?
- ☐ Mẹ đã về nhà chưa?
- ☐ Mẹ em đang nấu cơm.

3. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước những dòng có thể dùng dấu chấm cuối dòng. Viết lại câu cho đúng.

- ☐ Em đi học về
- ☐ Ông đang làm việc ở đâu
- ☐ Bà tưới cây trong vườn



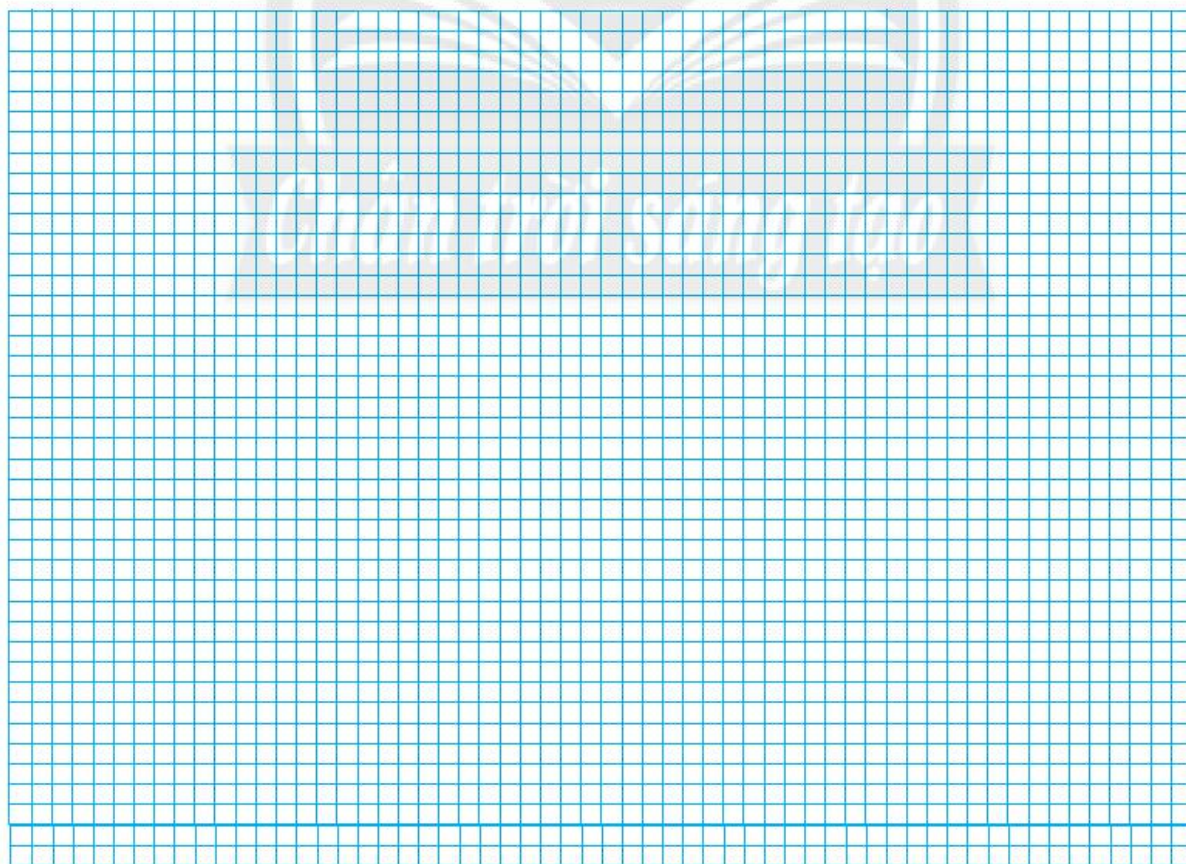
Bài 4: Con lợn đất (SGK, tr.53)

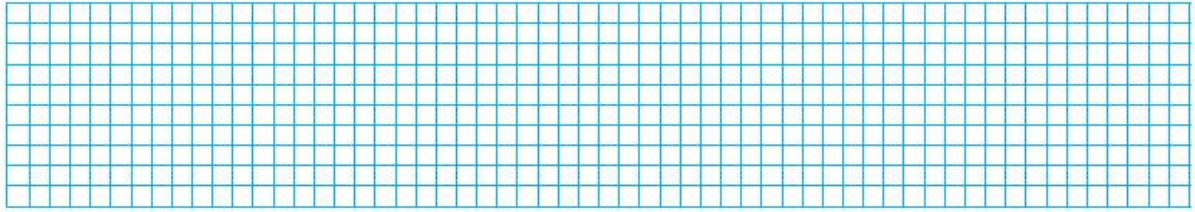
1. Nhìn – viết: Mẹ.

Mẹ

Lời ru có gió mùa thu
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.
Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.
Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

Trần Quốc Minh





a. Trong bài chính tả.



a. Vần **iu** hoặc vần **ưư**.

b. Chữ **d** hoặc chữ **v**.

4. Viết từ ngữ chỉ người trong gia đình. M: ông bà, anh em,...



5. Chọn từ ngữ trong khung rồi điền vào chỗ trống:

bố mẹ, ông bà, chị em

Hằng ngày,
đi làm, còn tôi đi
học. Cuối tuần, bố mẹ đưa chúng
tôi đến thăm
Cả nhà quây quần vui vẻ.

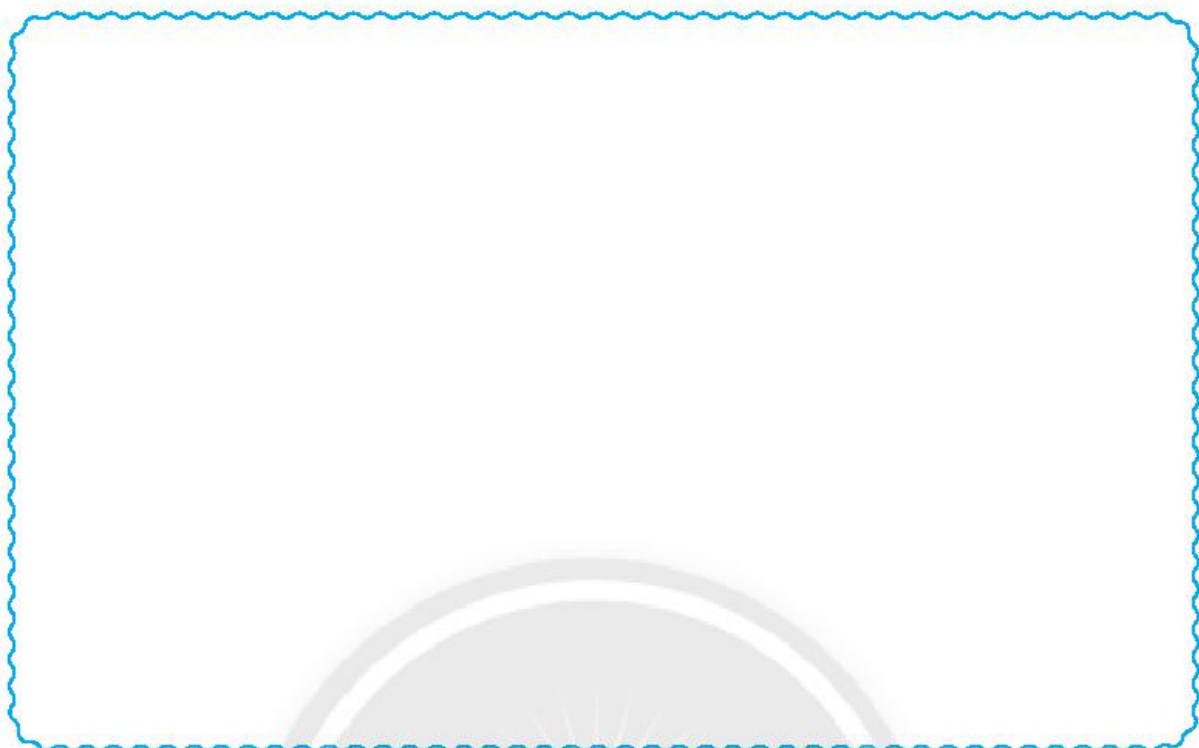


6. Ngắt đoạn văn sau thành 3 câu. Viết lại cho đúng chính tả.

Ông tôi năm nay đã ngoài sáu mươi tuổi ông thường kể cho anh em tôi những câu chuyện thú vị chúng tôi rất yêu quý ông.

This is a full-page image of a blank sheet of graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are 20 columns and 15 rows of squares, creating a uniform background for drawing or writing.

7. Dán một bức ảnh hoặc một bức tranh của gia đình em vào khung và đặt tên.



8. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài đọc về gia đình.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

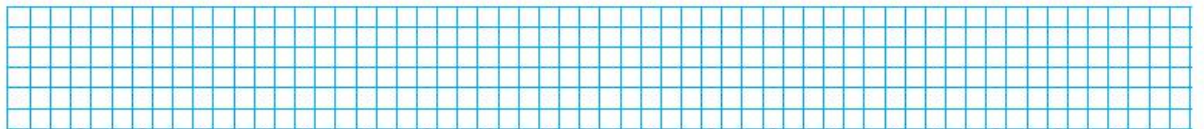
Tên bài đọc:

Tác giả:

Thông tin em thích:

.....
.....
.....

9. Vẽ con lợn đất. Đặt tên cho bức vẽ.



(Tuần 7 – 8)

1. Viết từ ngữ chỉ hoạt động của mỗi người trong bức tranh.

A large sheet of graph paper with a light blue grid. In the background, there is a faint, stylized image of a globe showing continents and oceans. The grid lines are thin and light blue, and the globe image is centered and slightly faded.

- M:** – Bố làm gì?
→ Bố tĩa lá cho cây.

A large grid of graph paper with 20 columns and 10 rows. The grid is composed of small squares, with a slightly larger square in the top-left corner, likely for a title or header. The grid is empty and intended for drawing or writing.

3. Tưởng tượng mình là bạn Vân trong bài *Cô chủ nhà tí hon*, viết lời cảm ơn ông.

 _____

 _____

 _____

 _____



Bài 2: Bưu thiếp (SGK, tr.61)

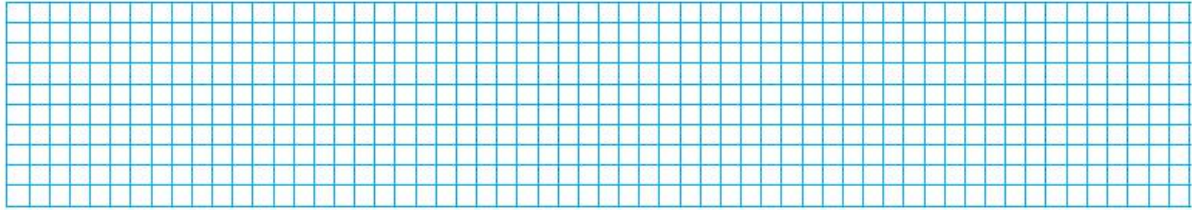
1. Nhìn – viết:

Ông tôi

Ông tôi đã già, thế mà không một ngày nào ông quên ra vườn. Tôi vẫn thường tha thẩn theo ông, khi xới đất, lúc tưới nước giúp ông. Tôi thầm mong sao cho ông tôi đừng già thêm nữa.

Phong Thu

This image shows a full page of blank graph paper. The grid consists of small, uniform squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.



2. Viết lời giải cho từng câu đố sau, biết rằng lời giải chứa tiếng bắt đầu bằng chữ **ng hoặc chữ **ngh**.**

- a. Con gì bốn vó
Ngực nở, bụng thon
Rung rinh chiếc bờm
Phi nhanh như gió?

Là con

- b. Con gì ăn cỏ
Đầu nhỏ chưa sừng
Cày cấy chưa từng
Đi theo trâu mẹ?

Là con

- c. Con gì có cổ khá dài
Giống như con vịt, có tài kêu to
Chân có màng, mắt tròn xoe
Khi ngã xuống nước chẳng lo chết chìm?

Là con

(3) Điền vào chỗ trống:

- a. Vần **iu** hoặc vần **ưu**.

tr..... mển

d.,.... dàng

..... điểm

- b. Chữ **g** hoặc **r**.

rõàng

....ọn ghẽ

....íu rít

4. Viết từ ngữ chỉ người thân vào 2 nhóm:

a. Họ nội. **M:** ông nội

[illegible]

b. Họ ngoại. **M:** ông ngoại

[illegible]

5. Viết 1 – 2 câu có từ ngữ tìm được ở bài tập 4.

6. Chọn một trong hai tình huống sau rồi viết lời xin lỗi:

a. Trong lúc đùa nghịch, em làm một bạn bị ngã.

b. Em lỡ tay làm đổ ấm pha trà của ông bà.

This is a full-page image of a blank sheet of graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.

7. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài thơ về gia đình.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài thơ:

Tác giả:

Hình ảnh em thích:



Bài 3: Bà nội, bà ngoại (SGK, tr.66)

- 1. Gạch dưới từ ngữ không cùng nhóm trong mỗi dòng sau:**
- a. ông bà, dạy bảo, khuyên nhủ, chăm sóc
- b. kính yêu, thương yêu, vui chơi, quý mến
- 2. Sắp xếp lại các từ ngữ trong mỗi câu dưới đây để viết thành câu mới.**

M: Mẹ yêu con. → Con yêu mẹ.

- a. Con cháu chăm sóc ông bà.



- b. Cháu thương yêu ông bà.

A large sheet of graph paper with a grid of small squares. The grid is composed of 20 columns and 10 rows of squares. The lines are light blue and the background is white. The grid is used for drawing and calculations.

3. Viết 1 – 2 câu nói về tình cảm gia đình.



4. Viết tên những người thân trong gia đình em.



Bài 4: Bà tôi (SGK, tr.69)

1. Nghe – viết: Bà tôi (từ Tối nào đến hết).



2. Viết tên người thân theo thứ tự bảng chữ cái.



(3) Điền vào chỗ trống:

a. Chũ' | hoặc chũ' n.

Ngọt ngàoời ru của mẹ
Cánh cò cồngăng lượn bay
Mênh mông đồng xanh sắcúa
Ơi à... giấc ngủ thật say.

Theo Phạm Hải Lê

b. Vần **uôn** hoặc vần **uông** và thêm dấu thanh (nếu cần).

M..... vì sao còn ngủ
Ch..... đồng hồ chưa rung
Nhưng bà l..... dậy sớm
Pha nước trà cho ông.

Theo Nguyễn Lâm Thắng

4. Viết 2 – 3 từ ngữ:

a. Có tiếng **chăm**. **M:** chăm sóc

[illegible]

b. Có tiếng **thương**. **M:** thương yêu

[illegible]

5. Chọn ở mỗi nhóm một từ để viết thành câu.



M: Ông bà chăm sóc cháu.

A large rectangular area filled with a light blue grid pattern, intended for writing the sentence.

6. Viết 2 – 3 câu nói về tình cảm của cháu đối với ông bà.

A large rectangular area filled with a light blue grid pattern, intended for writing the sentences.

7. Viết bưu thiếp chúc mừng sinh nhật một người thân dựa vào gợi ý:

- a. Em sẽ viết bưu thiếp gửi cho ai?
- b. Em viết bưu thiếp đó nhân dịp gì?
- c. Em sẽ viết những nội dung gì trong bưu thiếp?

.....

.....

.....

.....

.....

.....



8. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài văn về gia đình.

23

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài văn:

Tác giả:

Hình ảnh đẹp:

.....

.....

.....



ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

(Tuần 9)

Ôn tập 1 (SGK, tr.74)

1. Viết tên bài đọc có nhân vật trong mỗi bức tranh dưới đây:



.....

.....



.....

.....

2. Viết vào *Phiếu đọc sách* nội dung đã trao đổi với bạn về một nhân vật em thích ở bài tập 1.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên câu chuyện:

Tên nhân vật:

.....
.....
.....

Điều em thích ở nhân vật:

.....
.....
.....



Ôn tập 2 (SGK, tr.75)

1. Viết tên bài đọc phù hợp với mỗi thông tin và hình ảnh dưới đây:

Bước 1: Vẽ hình dạng bưu thiếp theo ý thích, cắt theo đường đã vẽ.



7 giờ 30 – 10 giờ 30:

Học ở trường

(Thứ Bảy, Chủ nhật:
Tham gia Câu lạc bộ
Bóng đá)



Khi nghe tiếng
tôi khóc, bố thốt
lên sung sướng:
"Trời ơi, con tôi!"

Cái đồng hồ
tích tắc, tích
tắc báo phút,
báo giờ.



2. Viết vào Phiếu đọc sách nội dung đã trao đổi với bạn về một thông tin em thấy thú vị trong bài đọc ở bài tập 1.

PHIẾU ĐỌC SÁCH



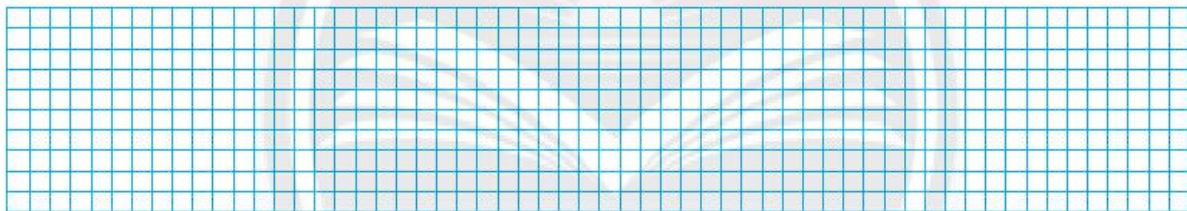
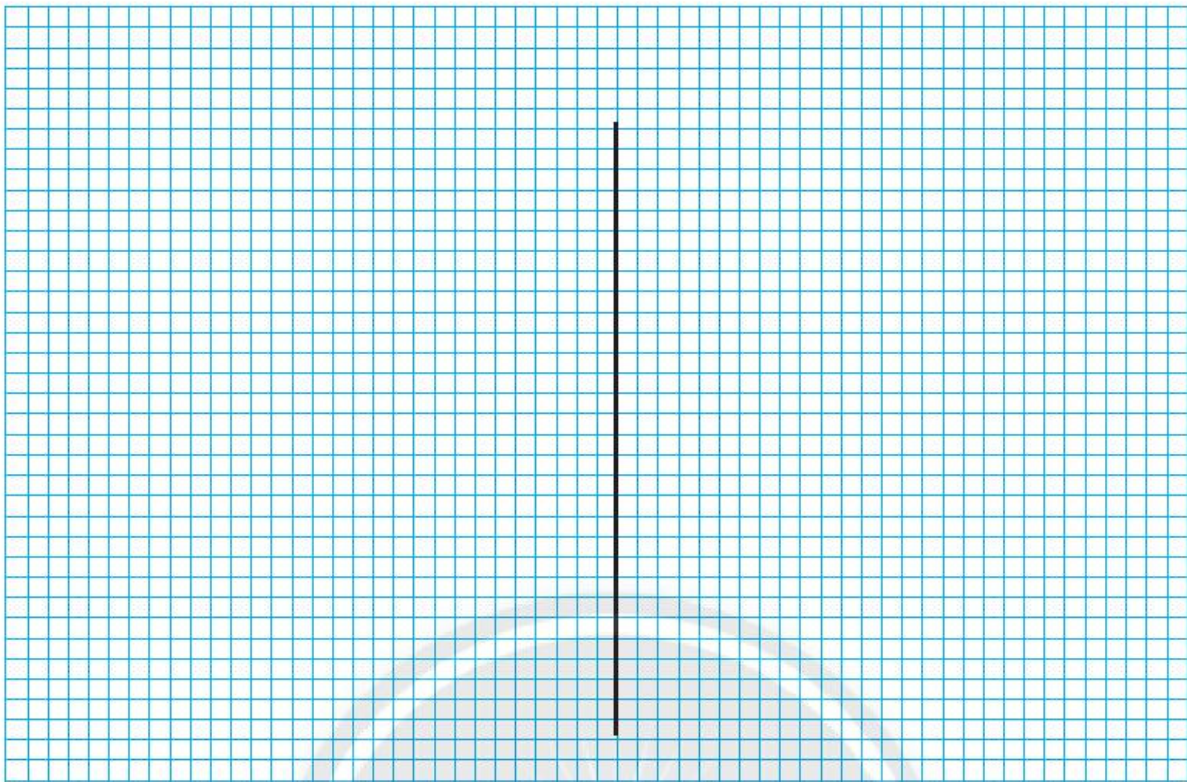
Tên bài đọc:

Tác giả:.....

Thông tin thú vị:

.....
.....

3. Nghe – viết: *Gánh gánh gồng gồng* (SGK, tr.76).



4. Điền chữ **ng** hoặc chữ **nh** vào chỗ trống:

.....ày còn nhỏ, tôi thườngồi trong lòng bà,e
kể chuyệnày xưa.

(5) Điền vào chỗ trống hoặc chữ in đậm:

a. Chữ **ch** hoặc chữ **tr**.

....ăm sóc ông nom

chiềuuộng kínhọng

b. Dấu **hỏi** hoặc dấu **ngã**.

chia **se** **ngâm** nghĩ

săn sàng **cam** động



Ôn tập 3 (SGK, tr.77)

1. Dựa vào SGK, tr.77, viết từ ngữ phù hợp với mỗi hình và tên bài thơ vào chỗ trống:

a.

.....

Lời ru có gió mùa thu



..... mẹ quạt mẹ đưa gió về

Những  thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.

b.

.....

Tên cùng em ra 

Tên theo em đến 

Như viên ngọc vô hình

Tên không rơi, không mất.

c.

.....

– Ngày hôm qua ở lại

Trong hạt lúa mẹ trồng



..... chờ gặt hái

Chín  màu ước mong.

d.

.....

Bà ngoại chăm làm vườn

Vườn bà bao nhiêu 

Yêu cháu, bà trồng 

Chẳng nghĩ mình cao tuổi.

2. Viết vào *Phiếu đọc sách* nội dung đã trao đổi với bạn về hình ảnh em thích trong một bài thơ ở bài tập 1.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài thơ:

Tác giả:

Hình ảnh em thích:

.....

.....

.....



Ôn tập 4 (SGK, tr.79)

1. Viết tên bài đọc có các từ ngữ dưới đây:

trán dô, má phính

.....

nụ cười hiền hậu, giọng ấm áp

mắt đen lay láy, bụng phệ

.....

không có hình dáng, màu sắc

.....



2. Viết vào *Phiếu đọc sách* nội dung đã trao đổi với bạn về đặc điểm em thích ở người hoặc vật có trong một bài đọc ở bài tập 1.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
Tên bài đọc:	
Tên người hoặc vật:	Đặc điểm em thích:

3. Viết 3 từ ngữ:

a. Chỉ sự vật.

--

b. Chỉ hoạt động.

--

c. Chỉ đặc điểm.

--

4. Viết 1 – 2 câu có từ ngữ tìm được ở bài tập 3.

--

5. Phân loại các câu sau vào 2 nhóm:

Bố em là thuỷ thủ.

Em bé đang chơi xếp hình.

Mẹ em đang làm bánh.

Anh trai em là sinh viên.

a. Câu giới thiệu.

b. Câu chỉ hoạt động.

6. Viết 1 – 2 câu:

a. Giới thiệu một người thân của em.

b. Về hoạt động của một người thân.



Ôn tập 5 (SGK, tr.80)

1. Dựa vào bài đọc SGK, tr.80, đánh dấu ✓ vào ☐ trước tranh hoặc ý trả lời đúng.

a. Long đã gặp ai khi ở công viên?



b. Vì sao Long hãnh diện?

- ☐ Vì được Thiện hỏi thăm.
- ☐ Vì được đạp xe ở công viên.
- ☐ Vì được anh trai tặng xe đạp đẹp.

c. Qua bài đọc, em thấy Thiên là người như thế nào?

- ☐ Biết quan tâm đến bạn bè.
- ☐ Biết quan tâm đến bản thân.
- ☐ Biết quan tâm đến em mình.

2. Viết tên khác cho bài đọc.

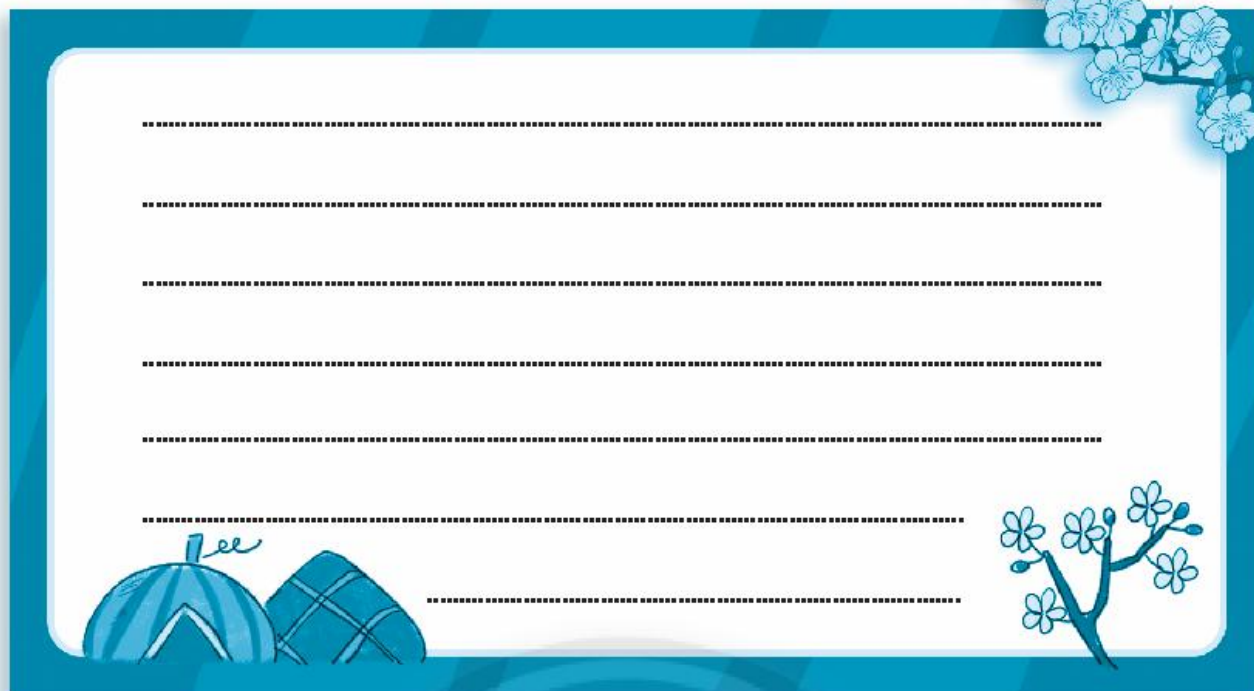


3. Viết bưu thiếp gửi một người thân dựa vào gợi ý:

Viết cho ai?

Nhân dịp gì?

Chúc mừng điều gì?



.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Viết vào *Phiếu đọc sách* nội dung đã trao đổi với bạn về một truyện em thích.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên truyện:

Tác giả:

Nhân vật em thích:

.....

.....

.....

.....

Lí do em thích:

.....

.....

.....

.....

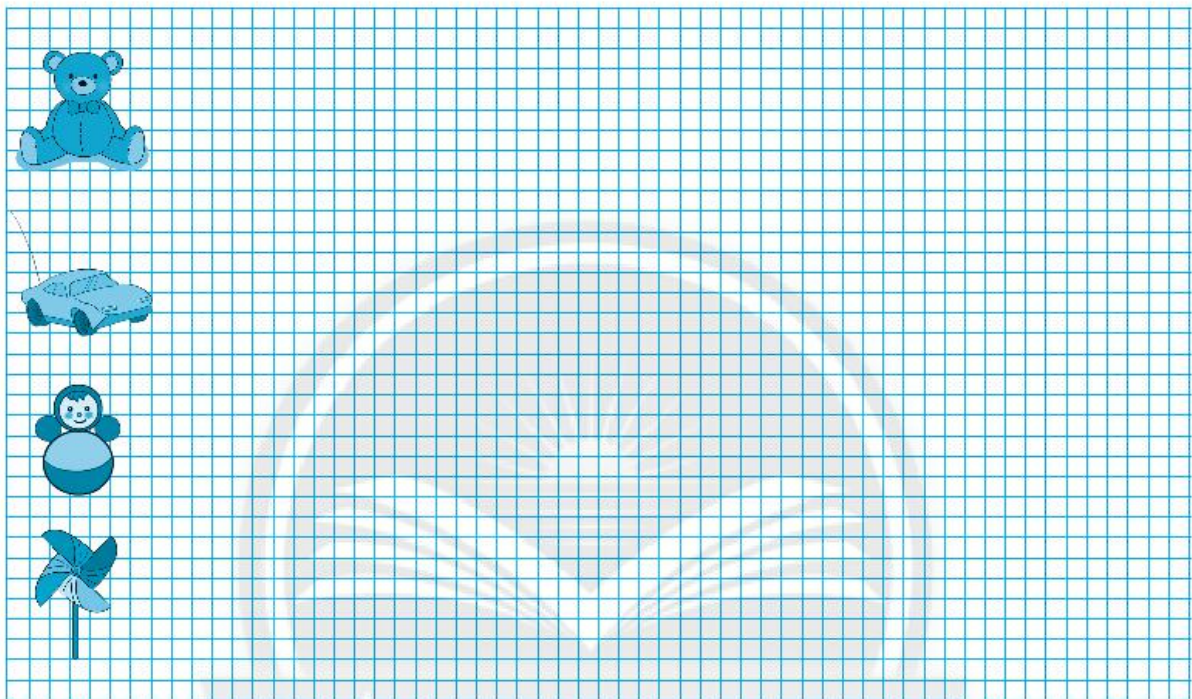


NHỮNG NGƯỜI BẠN NHỎ

(Tuần 10 – 11)

Bài 1: Cô chủ không biết quý tình bạn (SGK, tr.82)

1. Dựa vào SGK, tr.84, viết từ ngữ chỉ màu sắc từng bộ phận của mỗi đồ vật.



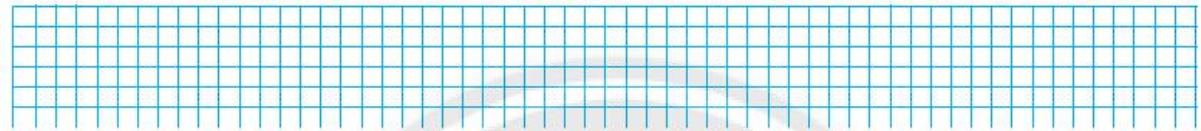
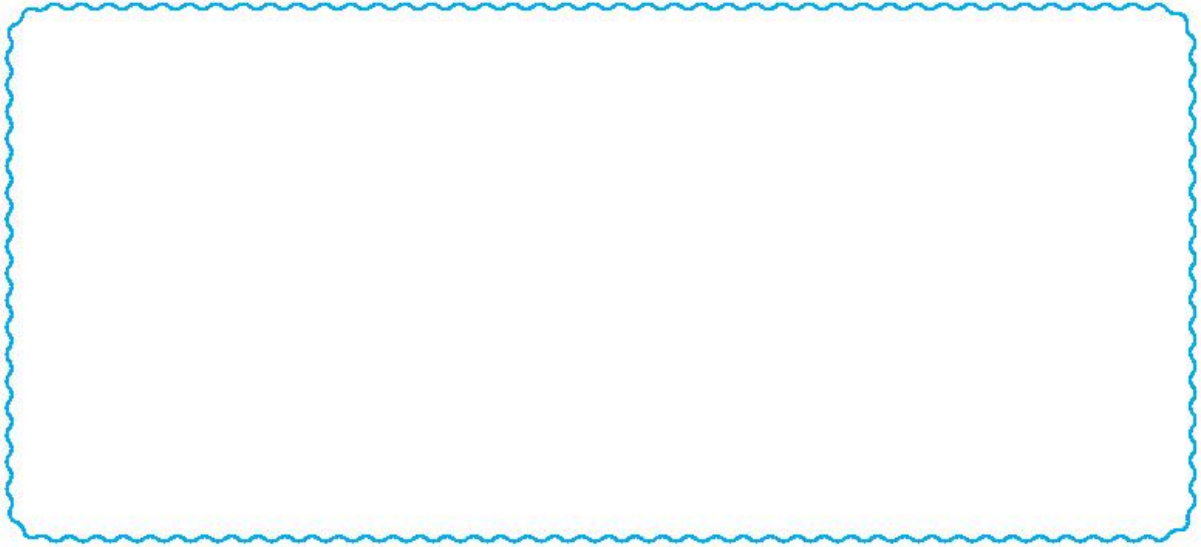
2. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu dùng để hỏi về con lật đật.

- ☐ Con lật đật trông thật đáng yêu.
- ☐ Con lật đật thế nào?
- ☐ Con lật đật lắc la lắc lư.

3. Điền dấu câu phù hợp vào ☐.

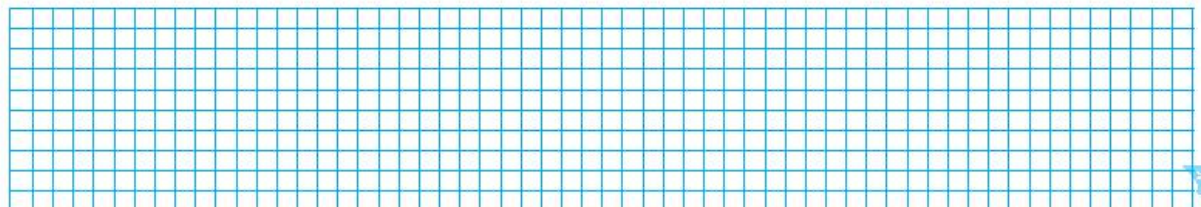
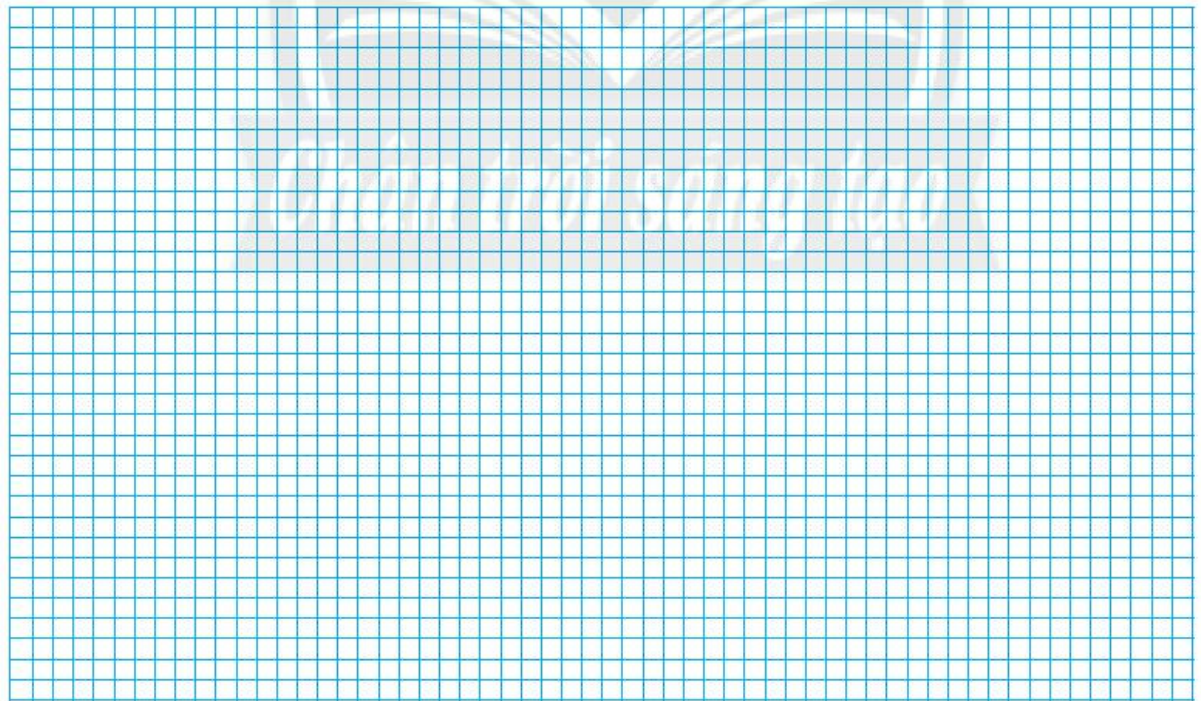
- a. Chiếc xe hơi có màu gì ☐
- b. Chong chóng quay thế nào ☐
- c. Chiếc nơ ở cổ chú gấu bông rất xinh ☐

4. Vẽ một con vật nuôi em thích. Đặt tên cho bức vẽ.



Bài 2: Đồng hồ báo thức (SGK, tr.85)

1. Nghe – viết: Đồng hồ báo thức (từ Tôi đến nhịp phút).



2. Điền tiếng bắt đầu bằng chữ **c** hoặc chữ **k** vào chỗ trống:



..... khung



..... giấy



..... tên

(3) Chọn tiếng trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống:

a. (bảy, bầy):	đòn	thứ
(bày, bầy):	 chim	trưng
(cày, cây):	máy	 hương

b. (bạc, bật):	 cửa	nổi.....
(bắc, bắt):	gió	 ngờ
(nhắc, nhất):	hạng	 chân

4. Khoanh tròn các đồ vật giấu trong tranh. Viết từ ngữ gọi tên các đồ vật và xếp vào 2 nhóm.



a. Đồ dùng gia đình.



b. Đồ chơi.



5. Viết câu hỏi và câu trả lời về 1 – 2 đồ vật tìm được ở bài tập 4.

M: – Cái lọ dùng để làm gì?
– Cái lọ dùng để cắm hoa.



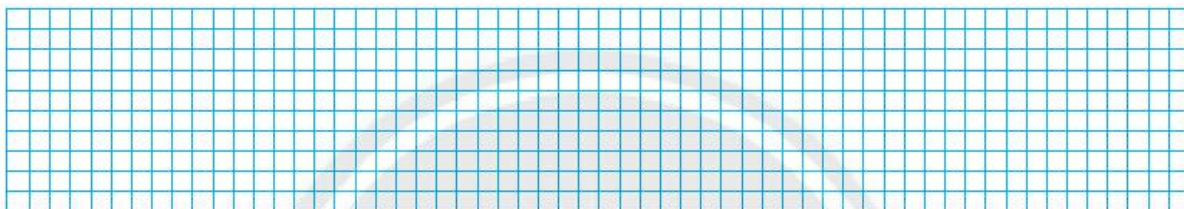
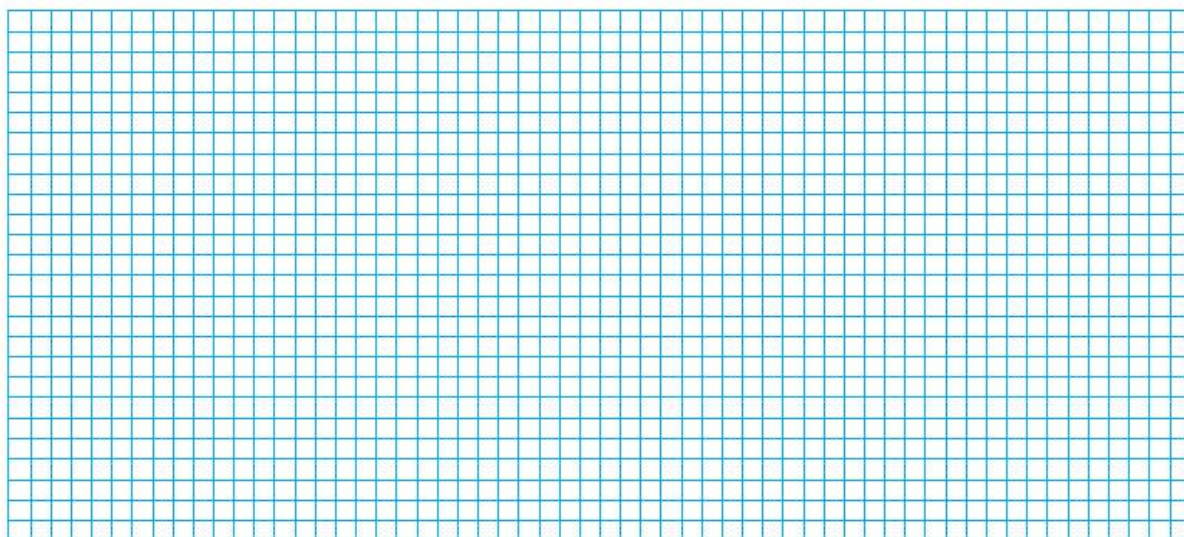
6. Viết 3 – 4 câu giới thiệu chiếc đèn bàn dựa vào hình vẽ và gợi ý:

a. Đó là đồ vật gì?

b. Đồ vật đó có những bộ phận nào?
Mỗi bộ phận có đặc điểm gì?

c. Đồ vật đó giúp ích gì cho em?

A large grid of graph paper, consisting of 20 columns and 10 rows of squares, intended for drawing a picture.



7. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một truyện về đồ vật hoặc con vật.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên truyện:

Tên đồ vật hoặc con vật:

.....

Đặc điểm:

.....
.....
.....

Hoạt động:

.....
.....
.....



Bài 3: Đồ đạc trong nhà (SGK, tr.90)

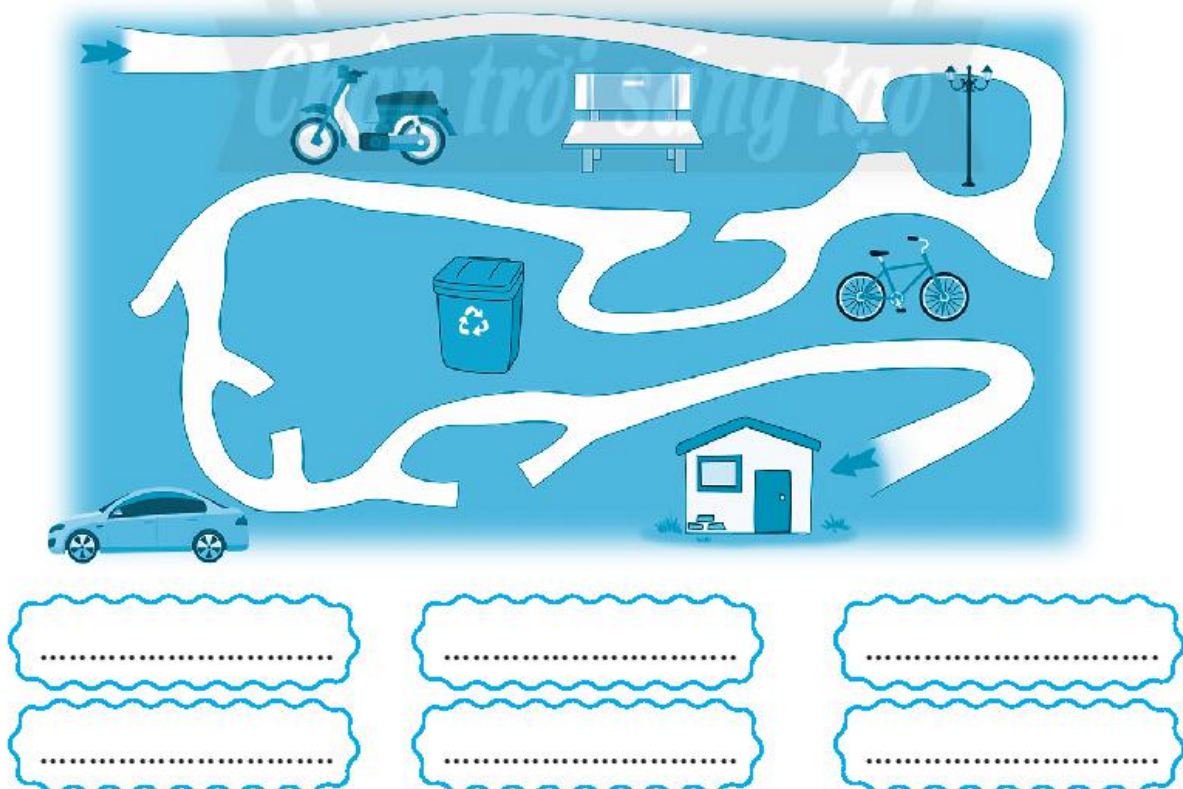
1. Gạch 1 gạch dưới từ ngữ chỉ màu sắc, 2 gạch dưới từ ngữ chỉ hình dáng có trong đoạn văn dưới đây:

Nhân dịp sinh nhật, bố mua tặng Kiên một bộ xếp hình bằng gỗ. Kiên mê tít những khối gỗ đủ màu sắc, hình dáng. Khối tam giác xanh lá, khối tròn đỏ thẫm, khối vuông xanh lơ và khối chữ nhật vàng tươi. Từ những khối gỗ nhỏ xinh ấy, Kiên xếp được rất nhiều ngôi nhà đẹp.

2. Viết 1 – 2 câu về đồ chơi em thích (theo mẫu).

Ai (cái gì, con gì)	thế nào?
Viên bi	tròn xoe.
.....	
.....	
.....	

3. Tô màu đường về nhà. Viết tên các vật em thấy trên đường đi.



Bài 4: Cái bàn học của tôi (SGK, tr.93)

1. Nghe – viết: *Chị tẩy và em bút chì* (SGK, tr.94).



2. Viết từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng chữ **c** hoặc chữ **k** gọi tên từng sự vật, hoạt động dưới đây:



.....

.....

.....

(3) Nối.

a.

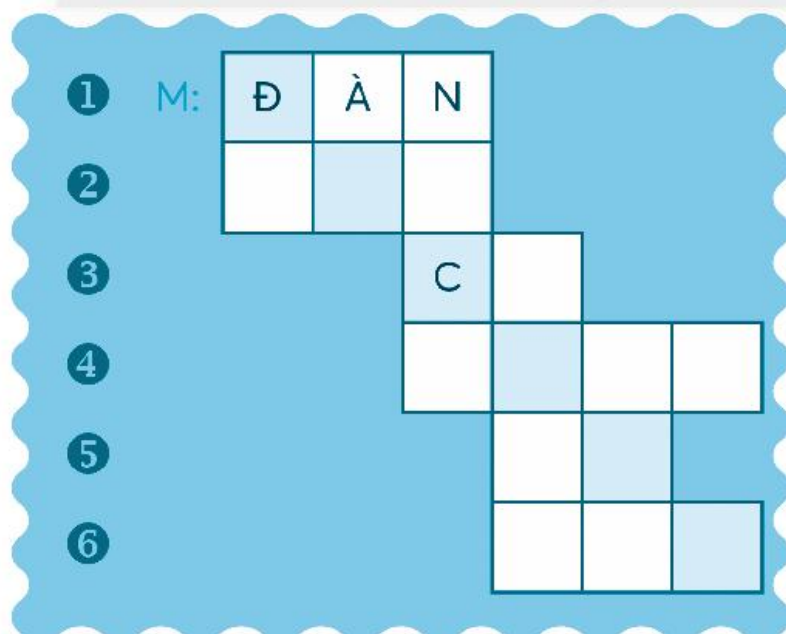
 mữ	 chịu
 dễ	 rạ
 rễ	 dạ
 rơm	 cây

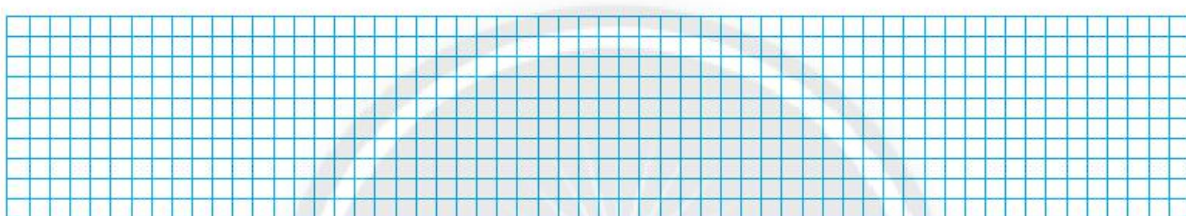
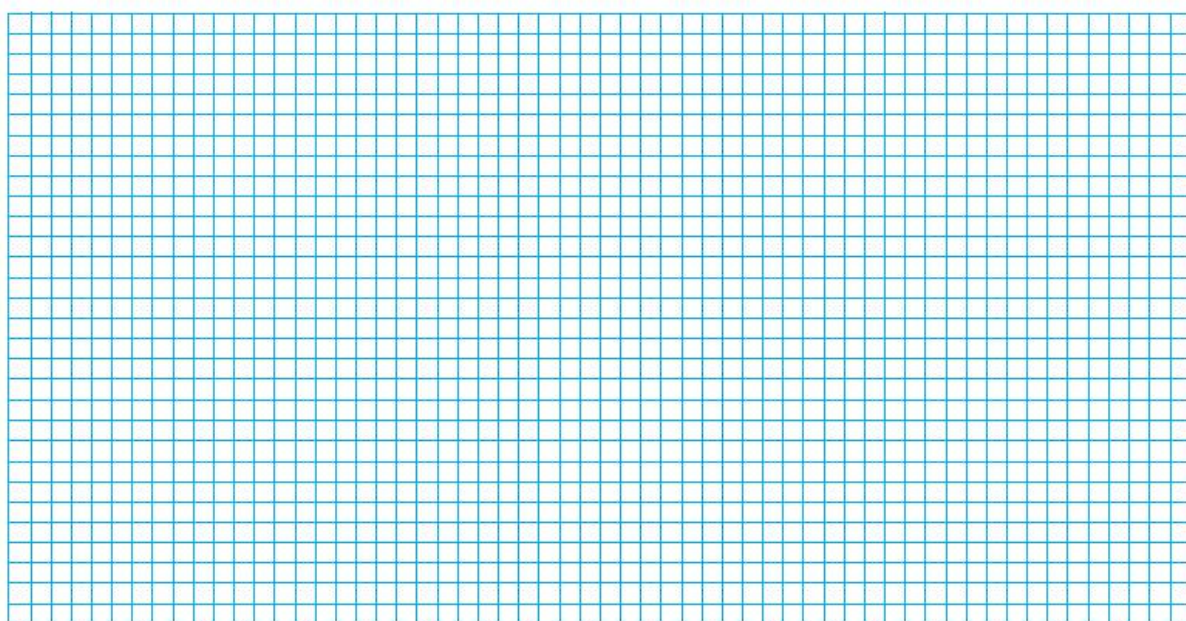
b.

 bay	 vai
 lượng	 lượn
 vườn	 sức
 vương	 vãi

4. Giải ô chữ sau:

1. Đồ vật có dây hoặc bàn phím khi đánh phát ra tiếng nhạc.
2. Đồ vật có lòng sâu, để nấu thức ăn.
3. Đồ vật để uống nước, có quai, thành đứng.
4. Đồ vật để quét nhà, sân,...
5. Đồ vật thường làm bằng vải, lụa, để cài hoặc buộc tóc.
6. Đồ vật thường làm bằng nhựa, khi thổi hoặc ấn vào thì phát ra tiếng để báo hiệu.





8. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài đọc về đồ vật hoặc con vật.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài đọc:

Tên đồ vật hoặc con vật:

Đặc điểm:

.....
.....
.....

Ích lợi hoặc công dụng:

.....
.....
.....



NGÔI NHÀ THỨ HAI

(Tuần 12 – 13)

Bài 1: Bàn tay dịu dàng (SGK, tr.98)

1. Đóng vai các bạn trong lớp, viết lời an ủi, động viên bạn An.

.....

.....

.....

.....

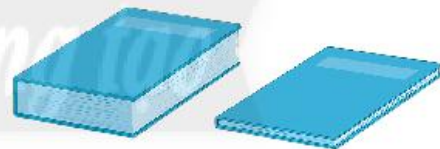
.....



2. Dựa vào SGK, tr.100, viết cặp từ phù hợp với từng bức tranh dưới đây:



M: dài – ngắn



.....



.....



.....

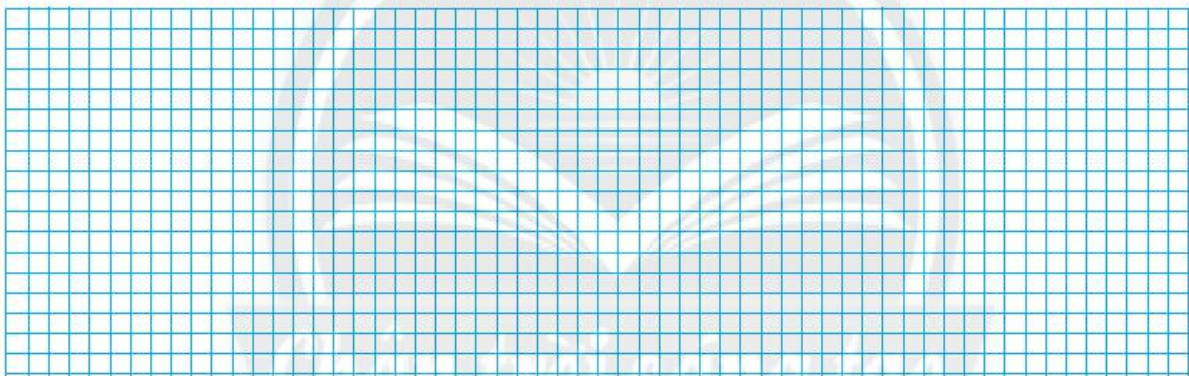
3. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ khi thấy chiếc bàn học mới.

- ☐ Cái bàn học rất mới.
- ☐ Cái bàn học mới hay cũ?
- ☐Ồ, cái bàn học mới quá!

4. Điền dấu câu phù hợp vào ☐.

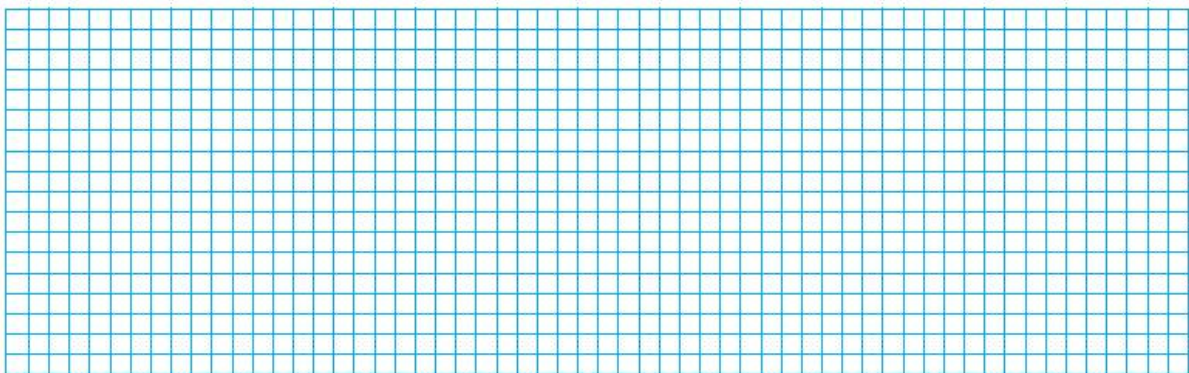
- a. Chà, tảng đá nặng ghê ☐
- b. Quyển sách này hơi mỏng ☐
- c. A, phòng học mới rộng quá ☐
- d. Cái thước kẻ dài của bạn nào nhỉ ☐

5. Viết các câu thể hiện cảm xúc ở bài tập 4.



Bài 2: Danh sách tổ em (SGK, tr.101)

1. Nghe – viết: Bàn tay dịu dàng (từ Khi thấy đến gần đến thương yêu).





2. Viết tên 3 bạn trong nhóm em theo thứ tự bảng chữ cái.

(3) Chọn tiếng trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống:

a. (chanh, tranh): Bức vẽ con chim sẻ đậu trên
cành cây

(chưa, trưa): nay bé đã ăn cơm?

b. (mặc, mặt): Buổi sáng, bé rửa, chải đầu,
quần áo mới rồi đi học.

(đặc, đặt): Mẹ tô cháo sánh, thơm ngon
lên bàn ăn.

4. Gạch dưới từ ngữ chỉ các khu vực ở trường có trong đoạn văn dưới đây:

Buổi học đầu tiên, Lương dẫn Mai đi quanh trường. Em giới thiệu cho bạn phòng đọc sách, phòng y tế, nhà bếp và sân bóng. Nơi nào cũng rộng rãi và thoáng mát.

Cẩm Tú

5. Viết thêm 2 – 3 từ ngữ:

a. Chỉ các nơi học tập, làm việc ở trường.

b. Chỉ những người làm việc ở trường.

6. Viết 1 – 2 câu để giới thiệu về:

a. Một khu vực học tập ở trường mà em thích.

M: Thư viện là nơi có rất nhiều sách hay.



b. Một môn học em yêu thích.



c. Một bạn học cùng tổ với em.

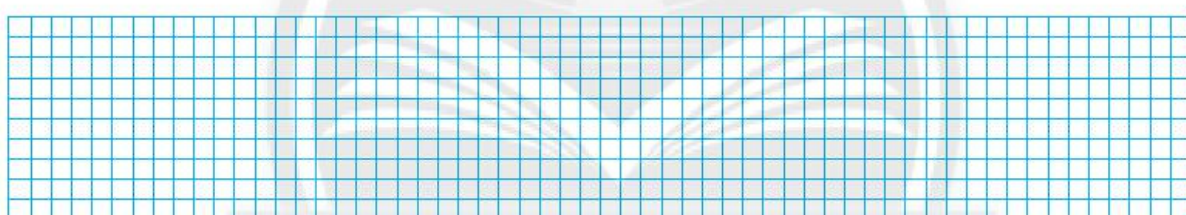
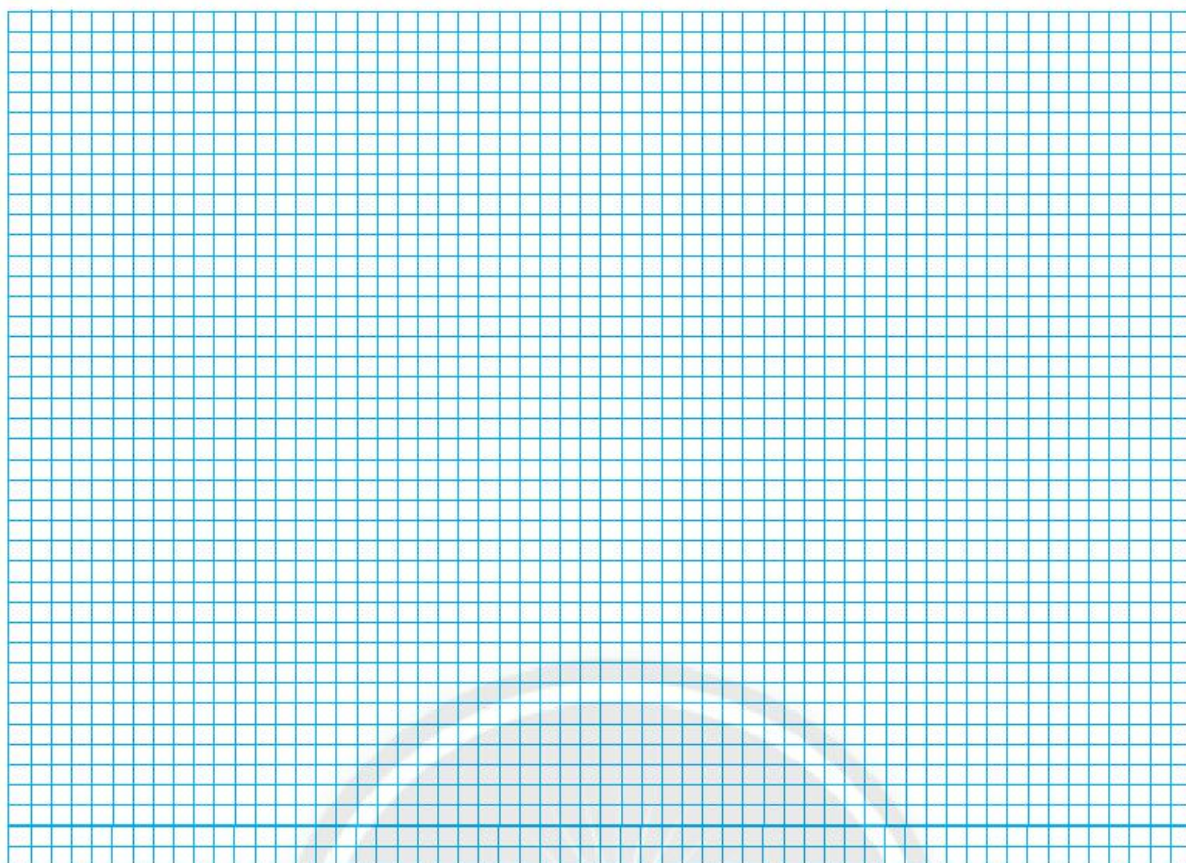


7. Đánh số thứ tự vào ☐ trước mỗi câu dưới đây để tạo thành đoạn văn.

- ☐ Bác bảo vệ cầm cái dùi bằng gỗ đánh vào mặt trống, tiếng "tùng, tùng, tùng" vang lên.
- ☐ Cái trống trường em được đặt trên giá gỗ chắc chắn.
- ☐ Tiếng trống luôn nhắc nhở chúng em biết giờ học, giờ chơi.
- ☐ Thân trống được ghép bằng những mảnh gỗ nhỏ.
- ☐ Hai mặt trống hình tròn, được bit bằng da.

8. Viết 4 – 5 câu giới thiệu về chiếc thước kẻ dựa vào tranh và từ ngữ gợi ý:





9. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài thơ về trường học.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài thơ:

Tác giả:

Từ ngữ hay:

.....
.....
.....

Vần thơ:

.....
.....
.....

10. Lập danh sách nhóm hoặc tổ em.

Số thứ tự	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	
1				
2				
3				
....				
....				
....				
....				
....				



Chân trời sáng tạo

Bài 3: Yêu lắm trường ơi! (SGK, tr.106)

- 1. Viết lời yêu thương của em gửi đến thầy cô và những người làm việc ở trường.**

Blank lined paper for writing.



- 2. Gạch dưới từ ngữ chỉ đặc điểm trong đoạn văn dưới đây:**

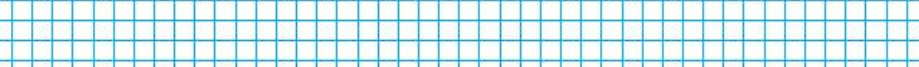
Trường mới của em xây trên nền ngôi trường cũ lợp lá. Nhìn từ xa, những mảng tường vàng, ngói đỏ như những cánh hoa lấp ló trong cây.

Ngô Quân Miện

- 3. Viết thêm 2 – 3 từ ngữ chỉ đặc điểm của ngôi trường em đang học.**



- 4. Viết 1 – 2 câu có từ ngữ ở bài tập 2 hoặc bài tập 3.**



Bài 4: Góc nhỏ yêu thương (SGK, tr.109)

1. Nghe – viết: *Ngôi trường mới* (SGK, tr.110).

Grid area for writing the text of the story "Ngôi trường mới".



Grid area for writing the text of the story "Ngôi trường mới".

2. Viết từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng chữ **g** hoặc chữ **gh** để gọi tên đồ vật trong bức tranh dưới đây:



Grid area for writing words starting with 'g' or 'gh' to name objects in the picture.

(3) Chọn tiếng trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống:

a. (sau, sâu): Mấy chú chim nhỏ đang bắt ở vườn rau phía trường.

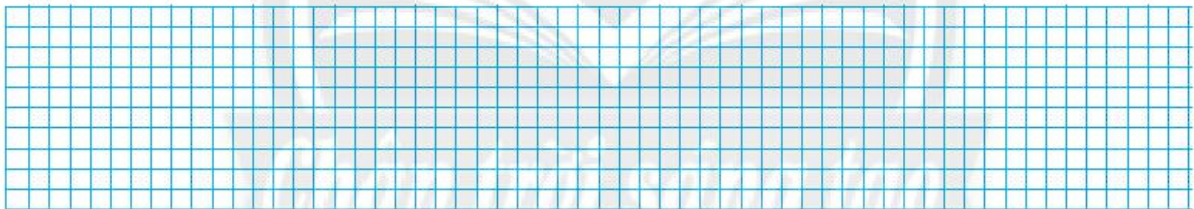
(cau, câu): Dưới gốc cây cạnh bờ ao, hai ông cháu ngồi cá.

b. (khác, khát): Ở đây, bạn có thể giải bằng nhiều loại trà nhau.

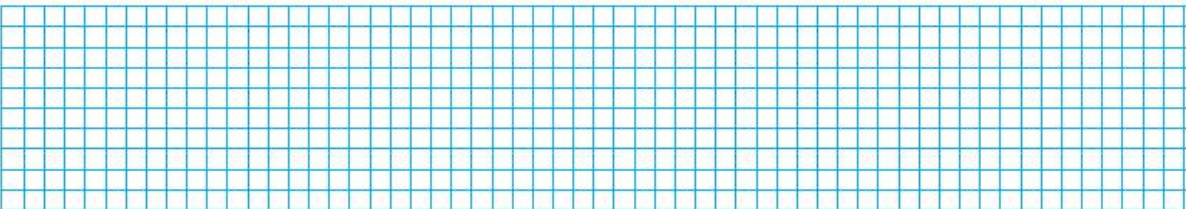
(các, cát): bạn nhỏ nô đùa trên bãi

4. Viết 2 – 3 từ ngữ chỉ đặc điểm:

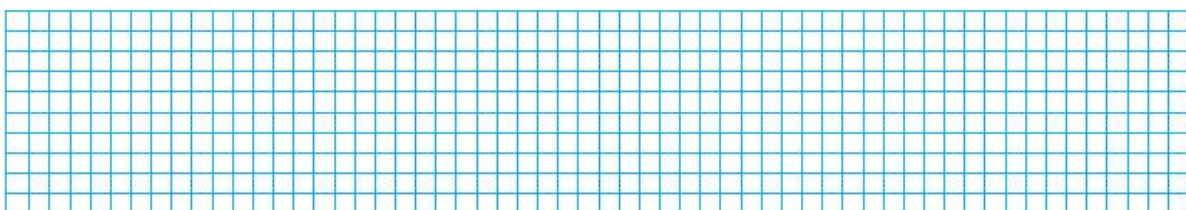
a. Có tiếng rộng.

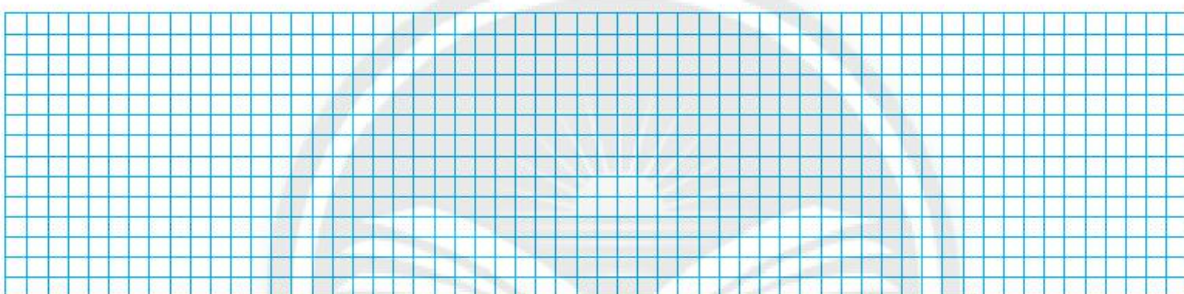
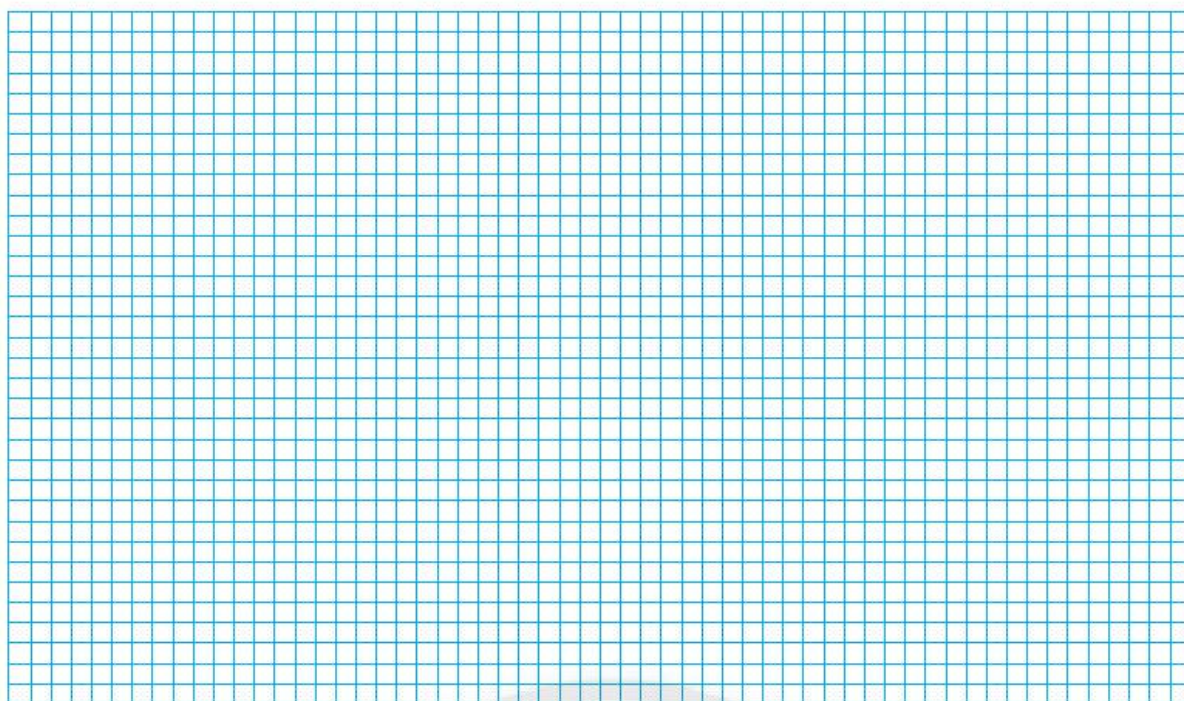


b. Có tiếng sạch.



c. Có tiếng yên.





8. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài văn về trường học.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài văn:

Tác giả:

Hình ảnh đẹp:

.....

.....

.....



BẠN THÂN Ở TRƯỜNG

(Tuần 14 – 15)

Bài 1: Chuyện của thước kẻ (SGK, tr.114)

1. Viết lời giải cho từng câu đố sau:

Nhỏ như cái kẹo
Dẻo như bánh giầy
Học trò ngày ngày
Vẫn dùng đến tở.

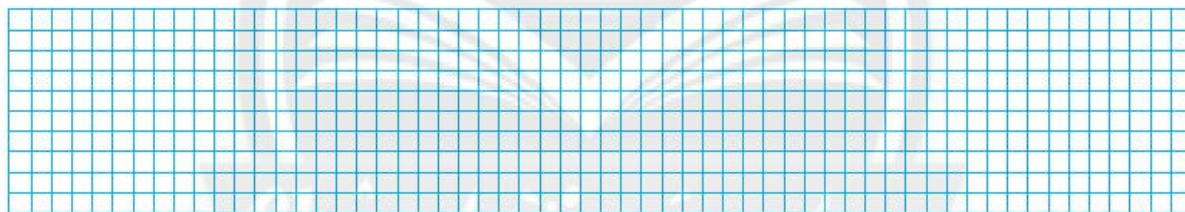
Da tôi màu trắng
Bạn cùng bảng đen
Hãy cầm tôi lên
Tôi làm theo bạn.

Là

Là

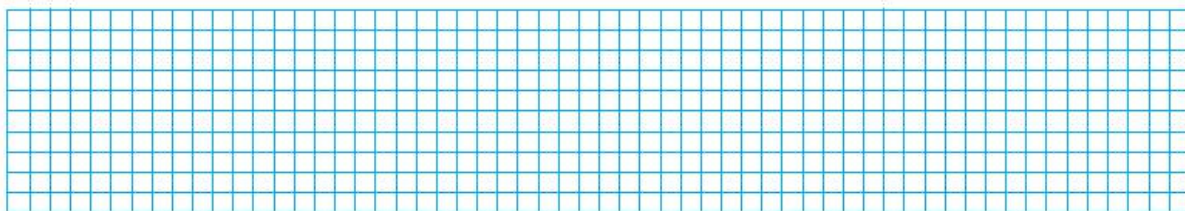
2. Viết 3 – 4 từ ngữ chỉ đồ vật và màu sắc của đồ vật đó.

M: bảng – đen



3. Viết 2 – 3 câu có từ ngữ tìm được ở bài tập 1 hoặc bài tập 2.

M: Em thích quả bóng nhựa màu xanh.

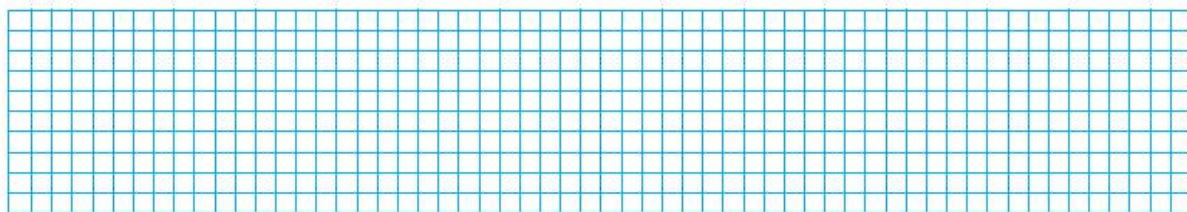


4. Viết câu hỏi cho các từ ngữ in đậm:

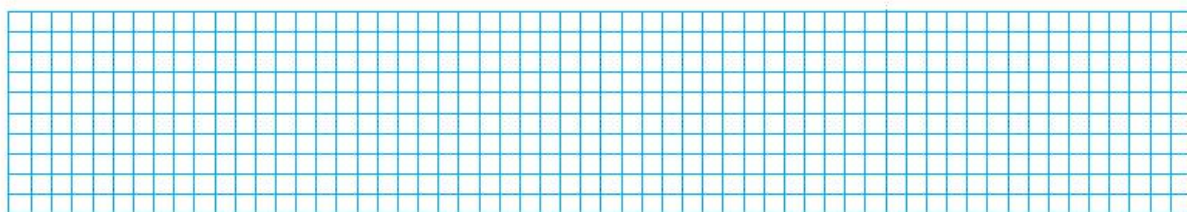
M: – Cái bảng của lớp em sơn màu **đen**.

→ Cái bảng của lớp em sơn **màu gì?**

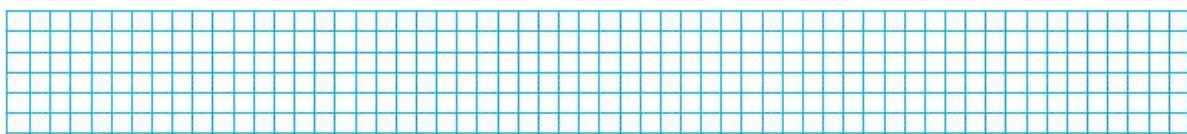
a. Thân trống sơn màu **đỏ**.



b. Mẹ mua cho em cái giá sách màu **nâu**.

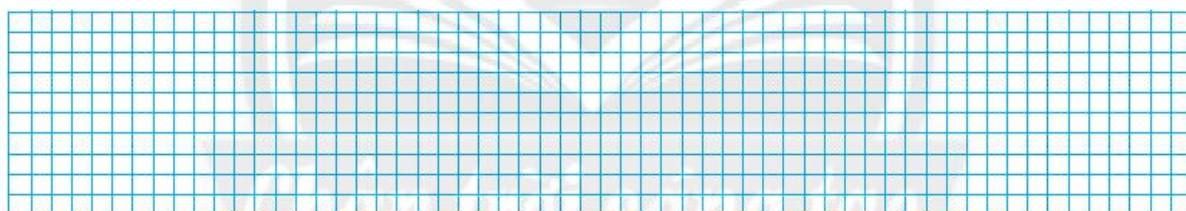
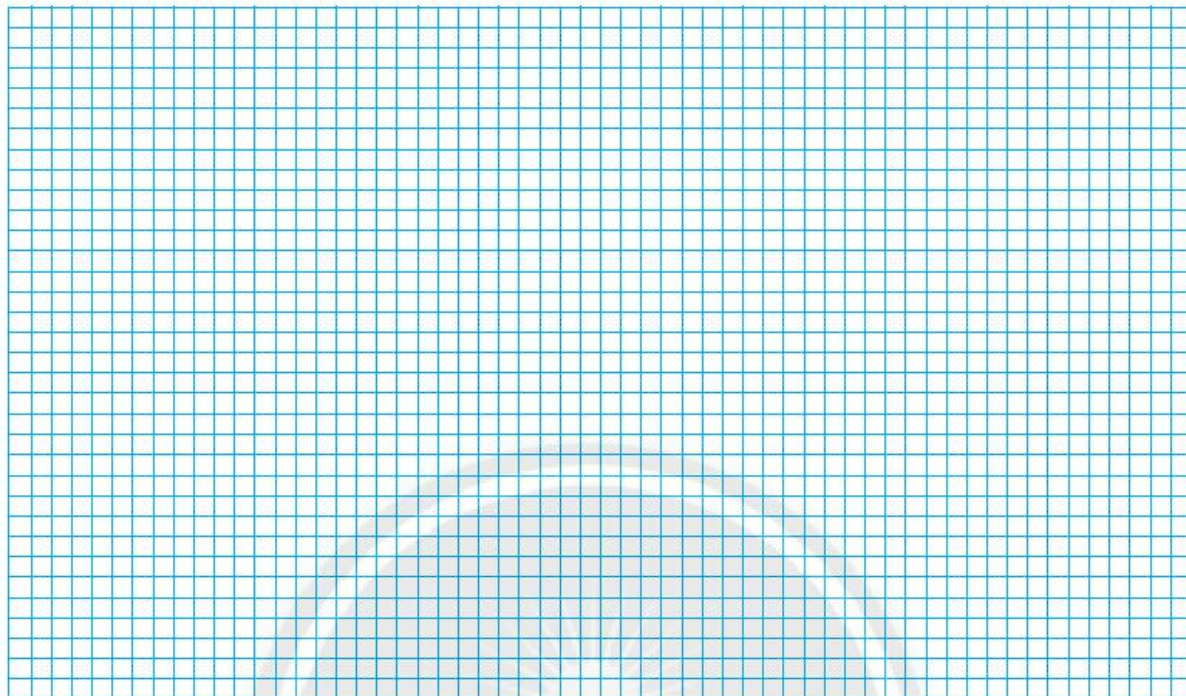


5. Vẽ một đồ dùng học tập em thích. Đặt tên cho bức vẽ.



Bài 2: Thời khoá biểu (SGK, tr.117)

1. Nghe – viết: *Chuyện của thước kẻ* (từ đầu đến cả ba).



2. Viết từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng chữ **g** hoặc chữ **gh** dùng để chỉ:

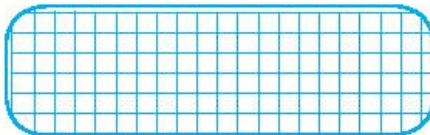
a. Một loại quả vỏ có gai, khi chín màu đỏ, thường dùng để nấu xôi.



b. Con vật thường gáy báo hiệu ngày mới.



c. Con vật gần giống cua biển, vỏ có hoa, càng dài.



(3) Điền vào chỗ trống. Viết lời giải cho từng câu đố sau:

a. Chữ **ch** hoặc chữ **tr**.

.....ở phải ảnh,ở phảianh

Mà ai xem cũng thấy mình ởong.

Là

b. Vần **ao** hoặc vần **au** và thêm dấu thanh (nếu cần).

Đi đâu cũng phải có nh.....

Một phải, một trái không b..... giờ rời

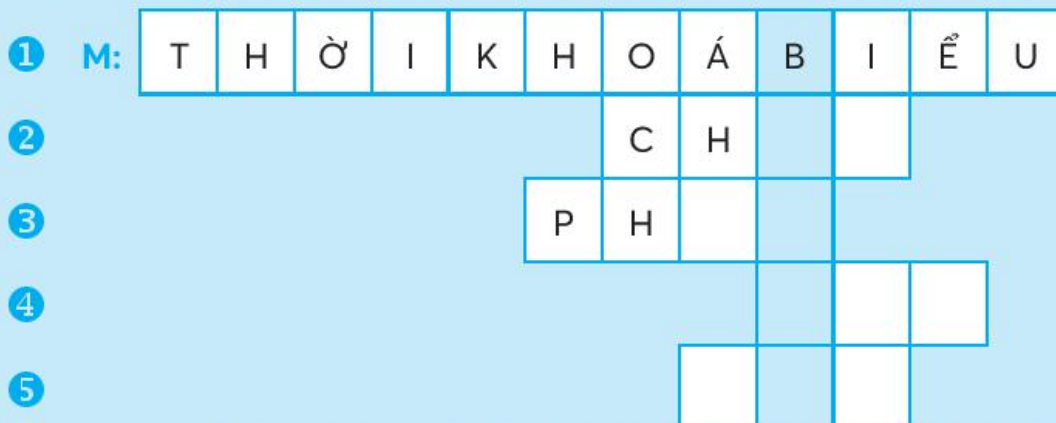
Cả hai đều mến yêu người

Theo chân đi khắp b..... nơi xa gần.

Là

4. Giải ô chữ sau:

1. Bảng liệt kê các môn học của từng ngày trong tuần.
2. Hoạt động di chuyển nhanh bằng chân.
3. Vật có dạng thỏi, viên dùng để viết, vẽ lên bảng.
4. Vật dùng để viết, kẻ, vẽ.
5. Vật dùng để thắp sáng, soi sáng.



5. Viết câu với từ ngữ trong cột có các ô màu xanh ở bài tập 4.



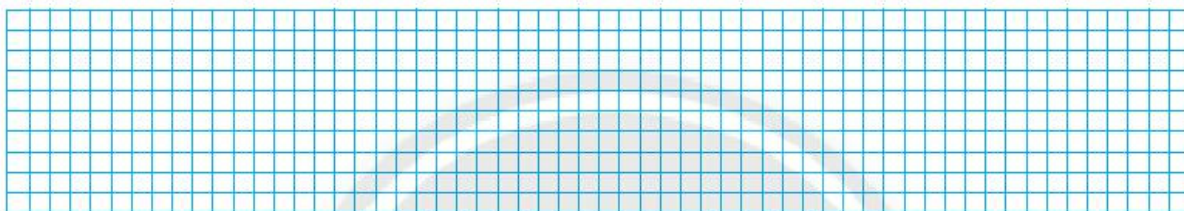
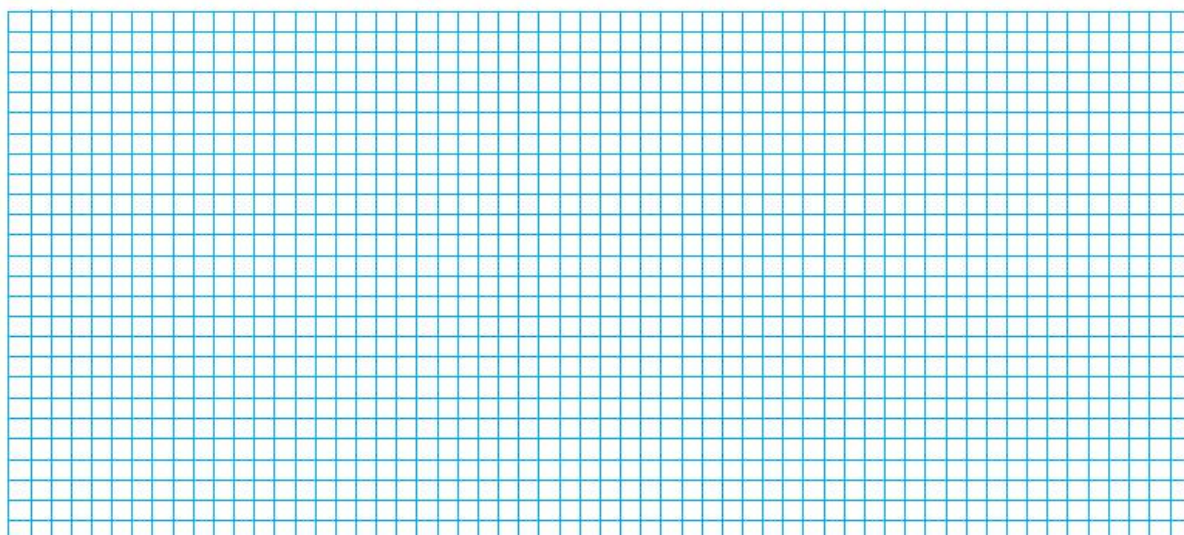
6. Viết câu hỏi và câu trả lời (theo mẫu).

M: – Em dùng bảng con để làm gì?

→ Em dùng bảng con để tập viết.

7. Viết 4 – 5 câu về chiếc bút chì dựa vào hình vẽ và từ ngữ gợi ý:





8. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một truyện về bạn bè.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên truyện:

Tác giả:

Nhân vật:

Đặc điểm:

.....
.....
.....

Điều em thích:

.....
.....
.....



Bài 3: Khi trang sách mở ra (SGK, tr.122)

1. Gạch dưới từ ngữ chỉ đồ vật trong các đoạn thơ dưới đây:

a. Bé có nhiều bạn bè
 Nằm ngoan trong chiếc cũi
 Gầy nhom là cây thước
 Thích sạch là thổi gôm.

Những trang sách giấy thơm
Biết rất nhiều chuyện kể
Cây bút cùng quyển vở.
Chép không thiếu một lời.

Thanh Nguyên

b. Nào bàn nào ghế
Nào sách nào vở
Nào mực nào bút
Nào phấn nào bảng.
Cả tiếng chim vui
Trên cành cây cao...

Hoàng Vân



2. Viết câu hỏi và câu trả lời về công dụng của 1 – 2 đồ dùng học tập ở bài tập 1.

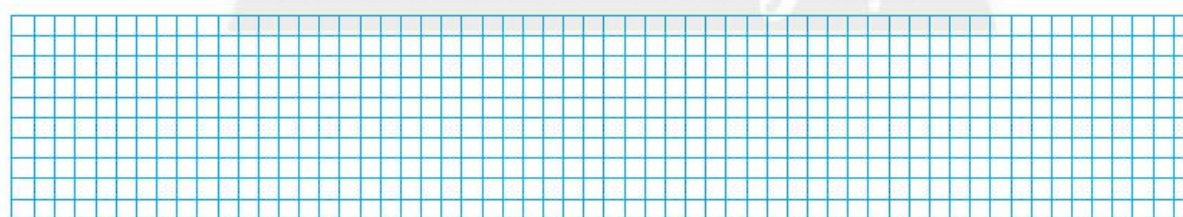
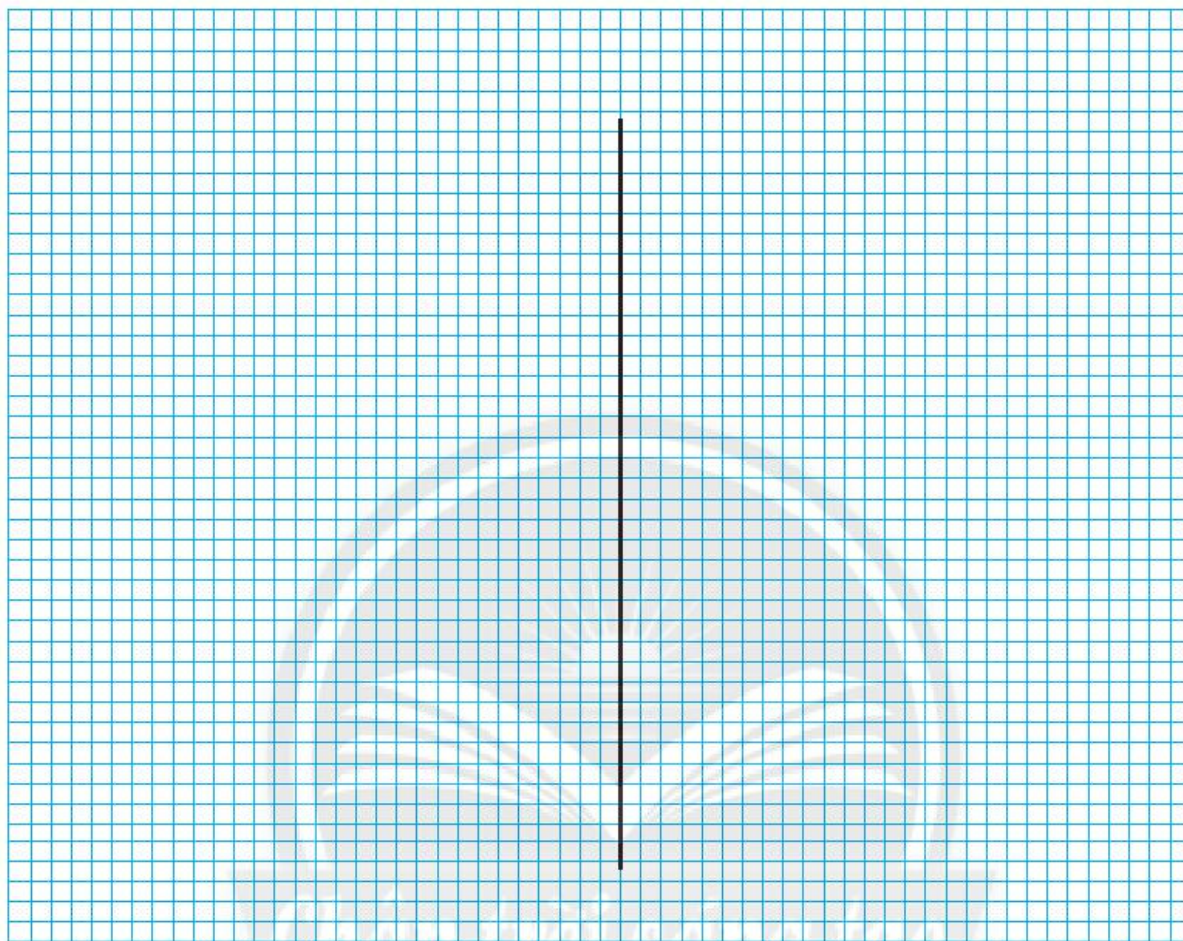
M: – Cây thuốc dùng để làm gì?

→ Cây thước dùng để kẻ.

This is a full-page image of a blank sheet of graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.

Bài 4: Bạn mới (SGK, tr.125)

1. Nghe – viết: *Mỗi người một vẻ* (SGK, tr.126).



2. Viết lời giải cho từng câu đố sau, biết rằng lời giải chứa tiếng bắt đầu bằng chữ **g** hoặc chữ **gh**.

Bốn chân mà chỉ ở nhà
Khi nào khách đến kéo ra mời ngồi.

Là

Lắp la lắp lánh
Treo ở trên tường
Trước khi đến trường
Bé soi chải tóc.

Là

(3) Điền vào chỗ trống và thêm dấu thanh (nếu cần):

a. Vần **ay** hoặc vần **ây**.

Điều no gió b.....

Chim hót xanh c.....

Mùa thu quả chín

Trời trong nắng đ.....

Theo Đặng Vương Hưng

b. Vần **an** hoặc vần **ang**.

Chuẩn chuẩn đi đón cơn mưa

Bỗng dưng gặp sợi nắng trưa dịu d.....

Bồng dưng gặp gió l..... thang

Gom hương lúa chín rải tr..... đồng xa.

Theo Thảo Nguyên

4. Viết từ ngữ chỉ hoạt động:

a. Có tiếng **tập**.



b. Có tiếng **đọc**.

[illegible]

c. Có tiếng hát.

[illegible]

5. Viết 1 – 2 câu có từ ngữ tìm được ở bài tập 4.

6. Gạch dưới từ ngữ trả lời câu hỏi *Làm gì?* trong từng câu dưới đây:

- a. Kim trò chuyện với hai người bạn mới.
b. Thước kẻ xin lỗi bút chì và bút mực.

7. Viết 3 – 4 câu tả một đồ dùng học tập của em dựa vào gợi ý:

- Nêu tên đồ dùng học tập.
- Nói về một vài đặc điểm nổi bật của đồ dùng học tập:

Hình dáng

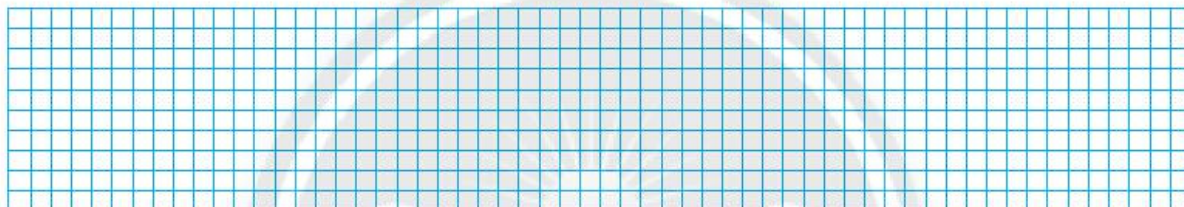
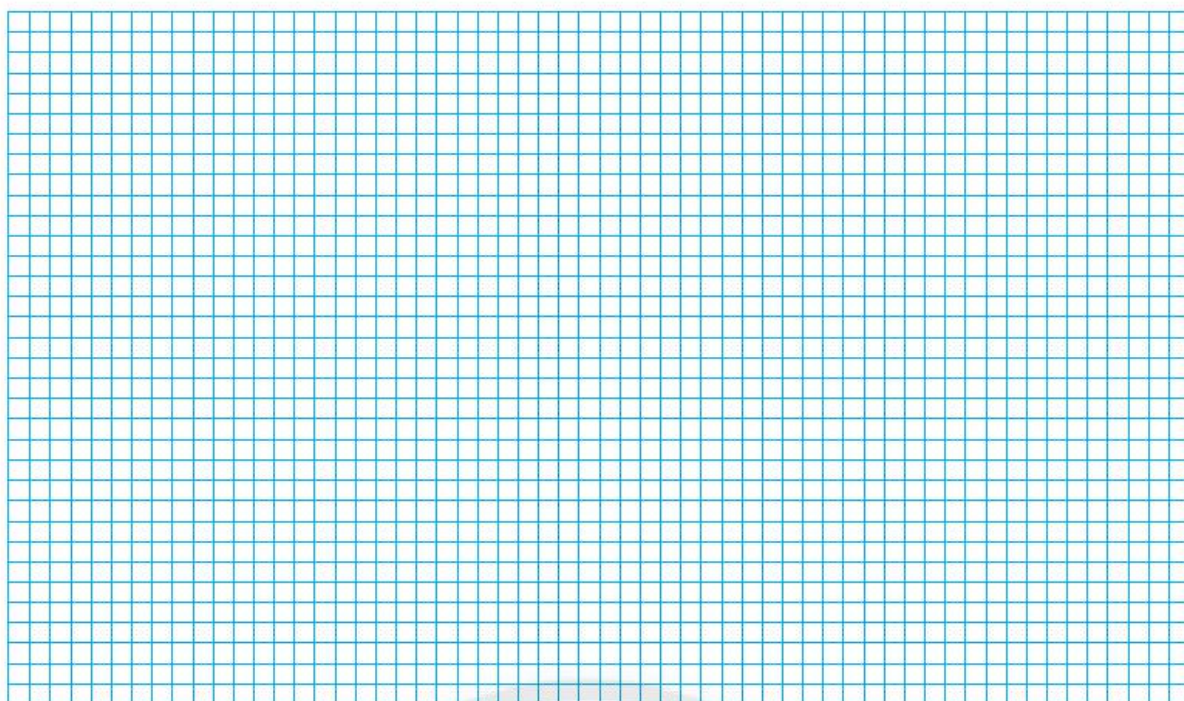
Kích thước

Màu sắc

Chất liệu



- c. Tình cảm của em với đồ dùng học tập đó.



8. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn về một bài đọc về bạn bè.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài đọc:

Tên cuốn sách:

Tên bạn:

.....
.....
.....

Thông tin thú vị:

.....
.....
.....
.....

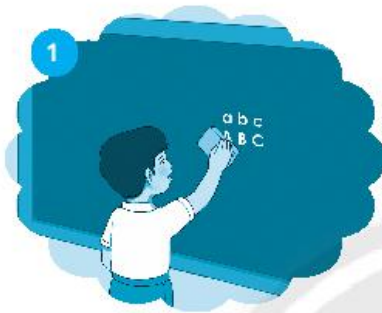


NGHỀ NÀO CŨNG QUÝ

(Tuần 16 – 17)

Bài 1: Mẹ của Oanh (SGK, tr.130)

1. Viết từ ngữ gọi tên hoạt động có trong từng bức tranh dưới đây:



2. Viết 2 – 3 câu có từ ngữ ở bài tập 1.

3. Viết câu hỏi cho các từ ngữ in đậm:

M: – Cô giáo đang hướng dẫn các bạn trồng cây **trong vườn trường**.

→ Cô giáo đang hướng dẫn các bạn trồng cây **ở đâu?**

a. Các bạn đang tưới hoa **bên cạnh cửa sổ lớp học**.

b. **Trên sân trường**, bác lao công đang quét rác.



Bài 2: Mục lục sách (SGK, tr.133)

1. Nghe – viết: *Mẹ của Oanh* (từ Giờ Tiếng Việt đến chế tạo).



2. Điền vần **eo** hoặc vần **oeo** vào chỗ trống và thêm dấu thanh (nếu cần):

Chú m..... mướp

Thích l..... trèo

Trèo không kh.....

Nên nằm kh.....!

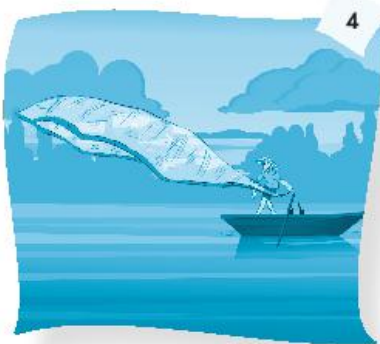
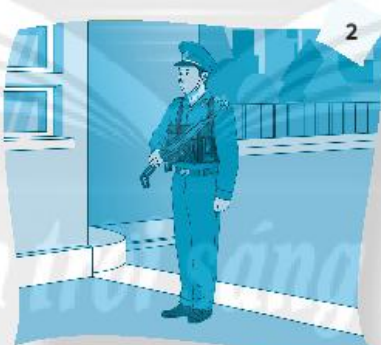
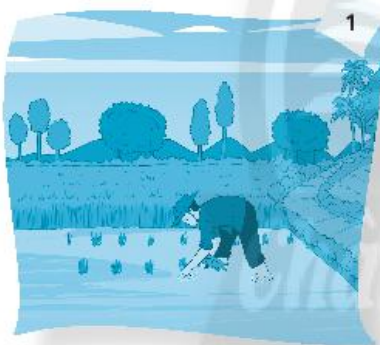
Theo Phạm Văn Tình

(3) Chọn tiếng trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống:

a. (dầm, rầm):	 rộ	 mưa
(dụng, rụng):	rơi	sử'
(du, ru):	 lịch	 ngủ

b. (giặc, giắt):	tắm	đánh
(chắc, chắt):	vững	 lọc
(sắc, sắt):	 thép	xuất

4. Viết từ ngữ chỉ công việc, nghề nghiệp của mỗi người có trong từng bức tranh dưới đây:





--

7. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài thơ về nghề nghiệp.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài thơ:

Tên tác giả hoặc tập thơ:

Nghề nghiệp:

Hình ảnh đẹp:



Chân trời sáng tạo

Bài 3: Cô giáo lớp em (SGK, tr.138)

1. Viết bưu thiếp để chúc mừng hoặc cảm ơn thầy cô giáo.





2. Tìm trong 2 khổ thơ dưới đây:

Bé chơi làm thợ nề
Xây nên bao nhà cửa.
Bé chơi làm thợ mỏ
Đào lên thật nhiều than.

Bé chơi làm thợ hàn
Nối nhịp cầu đất nước.
Bé chơi làm thầy thuốc
Chữa bệnh cho mọi người.

Yến Thảo

a. Từ ngữ chỉ người.	b. Từ ngữ chỉ hoạt động của người đó.
M: thợ nề	M: xây

3. Viết câu chỉ hoạt động của 1 – 2 người ở bài tập 2.

This is a full-page image of a blank sheet of graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.

4. Viết câu hỏi cho các từ ngữ in đậm:

a. **Trên công trường**, các chú thợ nề đang xây những ngôi nhà cao tầng.

b. Bác sĩ đang khám bệnh cho bệnh nhân **ở phòng khám**.

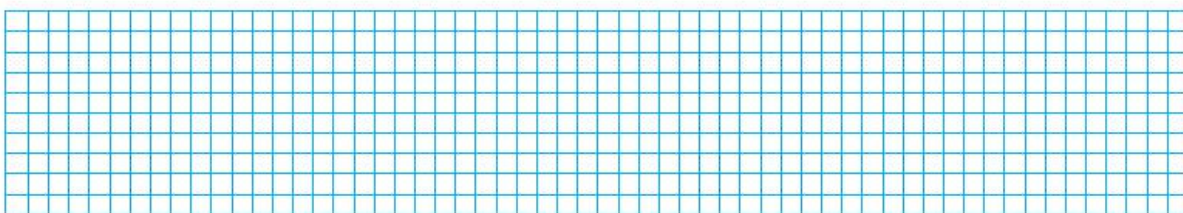
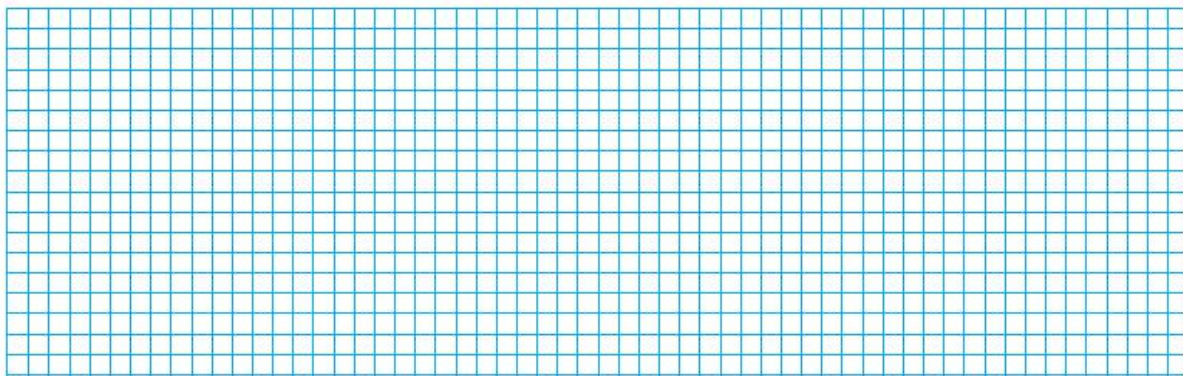
c. **Trên sân bóng**, huấn luyện viên đang hướng dẫn cho các cầu thủ tập luyện.



Chân trời sáng tạo

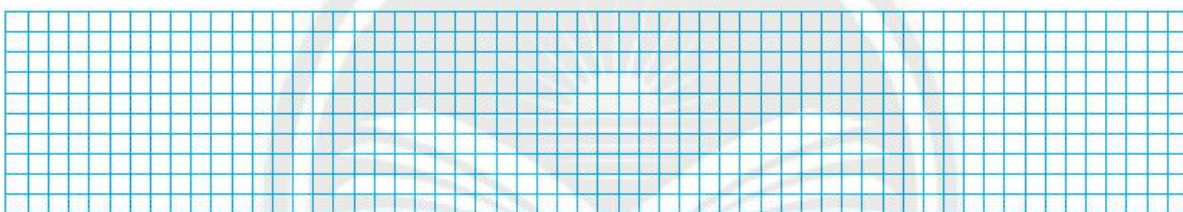
Bài 4: Người nặn tò he (SGK, tr.141)

1. Nghe – viết: **Vượt qua lỗc dũ** (SGK, tr.142).

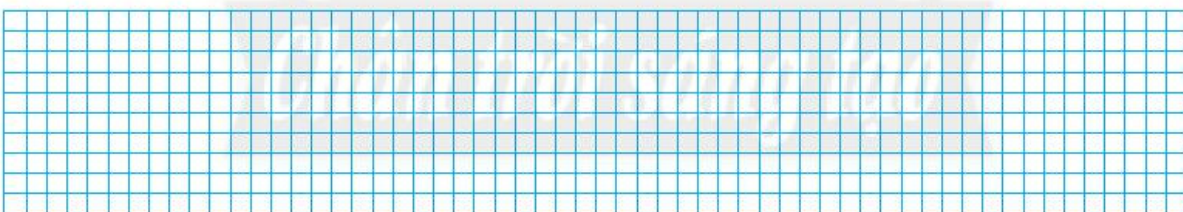


2. Viết tiếng bắt đầu bằng chữ **ng** hoặc chữ **ngh**:

a. Trong bài chính tả.

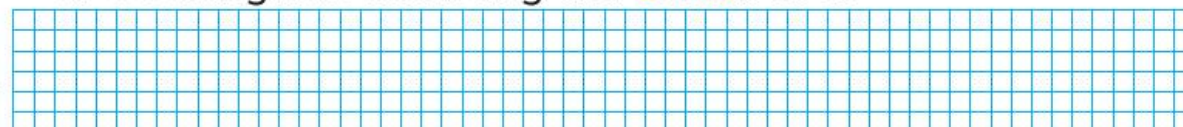


b. Ngoài bài chính tả.

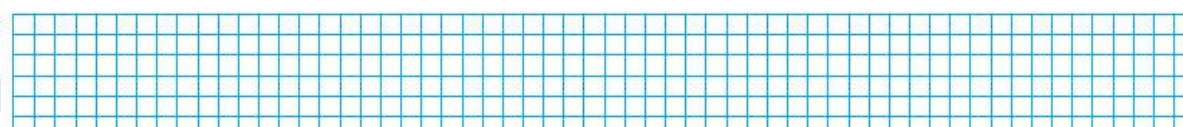


(3) Viết từ ngữ chỉ đồ vật, công việc hoặc nghề nghiệp:

a. Có tiếng bắt đầu bằng chữ **s**. **M**: bác sĩ



Có tiếng bắt đầu bằng chữ **x**. **M**: thợ xây



b. Có tiếng chứa vần **uôc**. **M**: cuộc đất

[illegible]

Có tiếng chứa vần **uôt**. **M**: tuốt lúa

[illegible]

4. Phân loại các từ ngữ trong khung vào 4 nhóm:

công nhân

công trường

bệnh viện

nông dân

máy khoan

cày ruộng

máy cày

lái tài

khám bệnh

ống nghe

bác sĩ

đồng ruộng

a. Chỉ người lao động.

[illegible]

b. Chỉ hoạt động của người lao động.

[illegible]

c. Chỉ vật dụng dùng khi lao động.

[illegible]

d. Chỉ nơi lao động.

[illegible]

5. Điền từ ngữ ở bài tập 4 phù hợp vào chỗ trống:

a. Ngoài đồng, bác đang Chiếc như một con bọ ngựa khổng lồ đang chăm chỉ làm việc.

b. Đêm ấy, bé Vân sốt cao, phải vào Em lo lắng nhìn ông già đeo kính trắng, cổ đeo cái như chiếc vòng bạc. Khi cho Vân, đôi mày ông cứ nhíu lại như nghĩ ngợi điều gì. Cuối cùng, đôi mắt ông sáng lên làm mẹ và Vân thấy nhẹ cả người: "Cháu bị cảm thôi! Chi cứ yên tâm!"

Theo Ngô Quân Miên

6. Viết 4 – 5 câu về một đồ chơi em thích dựa vào gợi ý:

a. Em thích đồ chơi gì?

b. Đồ chơi đó có những đặc điểm gì đáng chú ý về:

Hình dáng

Màu sắc

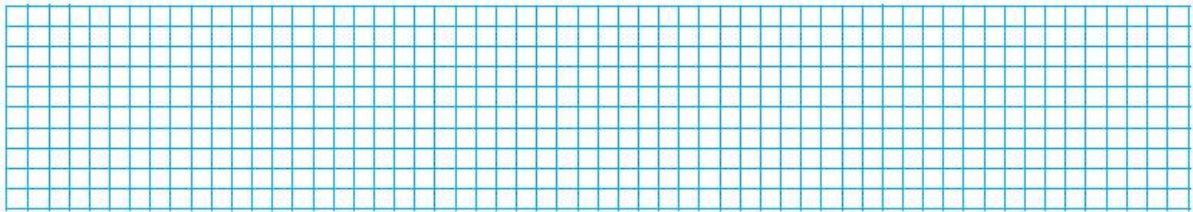
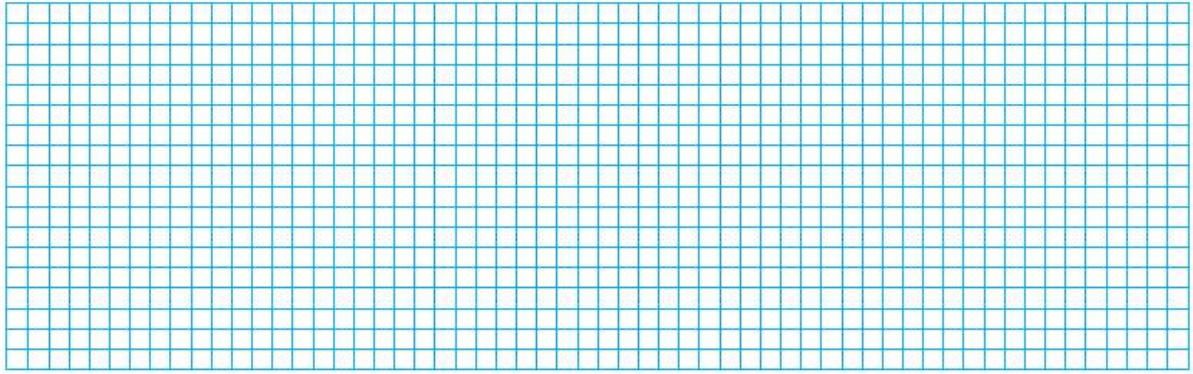
Bộ phận nổi bật

Hoạt động



c. Tình cảm của em với đồ chơi đó.

[illegible]



7. Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc một bài văn về nghề nghiệp.

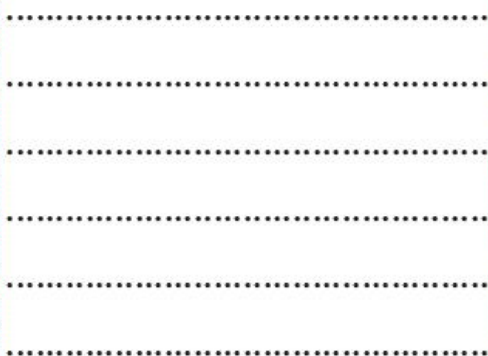


PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài văn:

Tác giả:

Câu văn hay:



Thông tin em thích:



ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

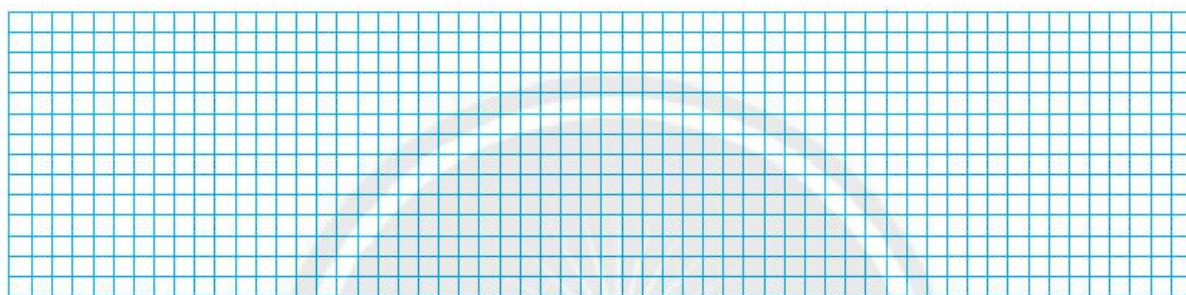
(Tuần 18)

Ôn tập 1 (SGK, tr.146)

1. Gạch 1 gạch dưới từ ngữ chỉ sự vật, 2 gạch dưới từ ngữ chỉ hoạt động trong câu sau:

Trên đỉnh tháp, ba người thợ đang lau chùi và kiểm tra hệ thống đèn.

2. Viết 1 – 2 câu có từ ngữ ở bài tập 1.



3. Viết vào *Phiếu đọc sách* nội dung đã trao đổi với bạn về một bài đã đọc về người lao động.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên bài đọc:

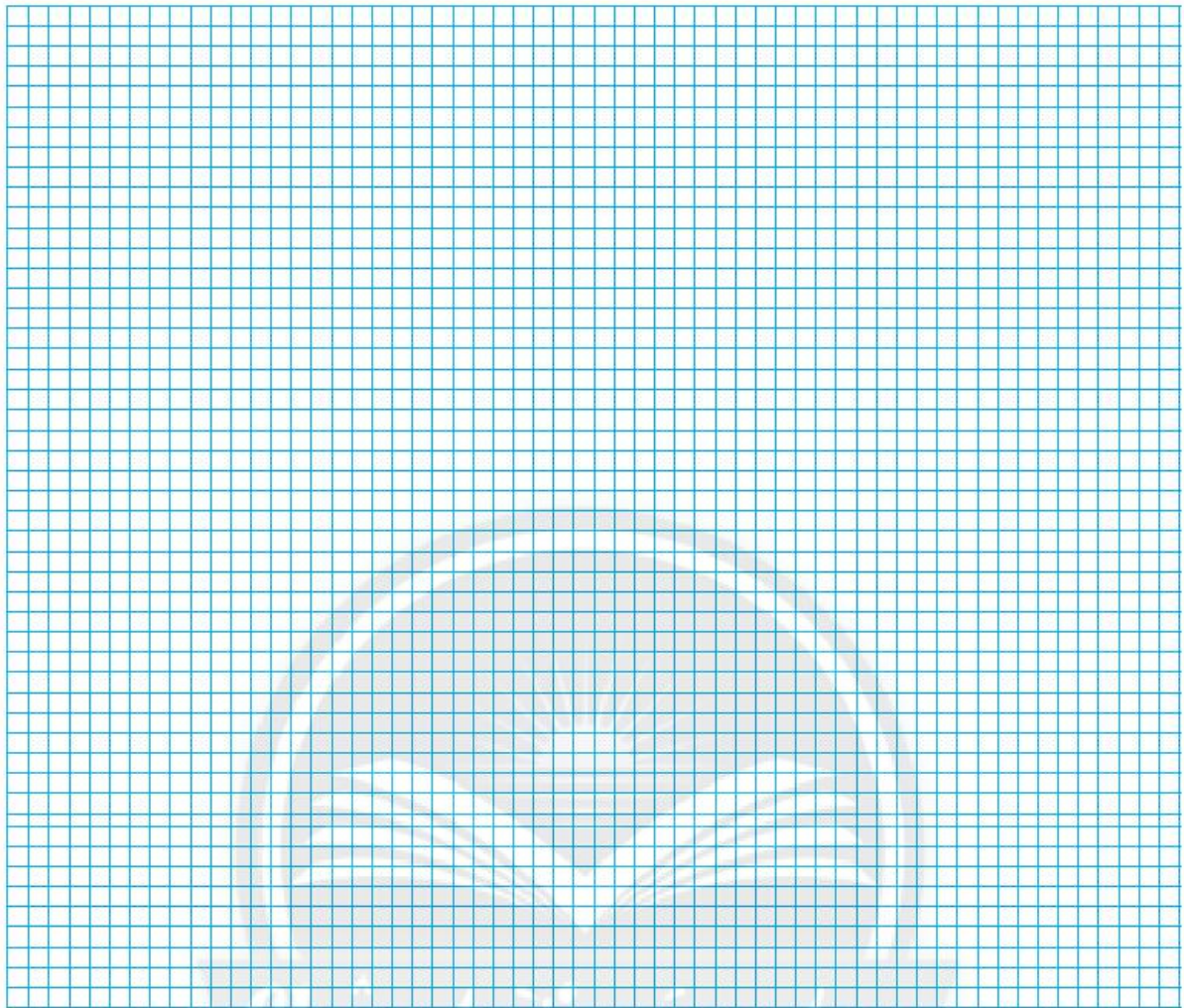
Từ ngữ chỉ nghề nghiệp:	Từ ngữ chỉ công việc:
---	---

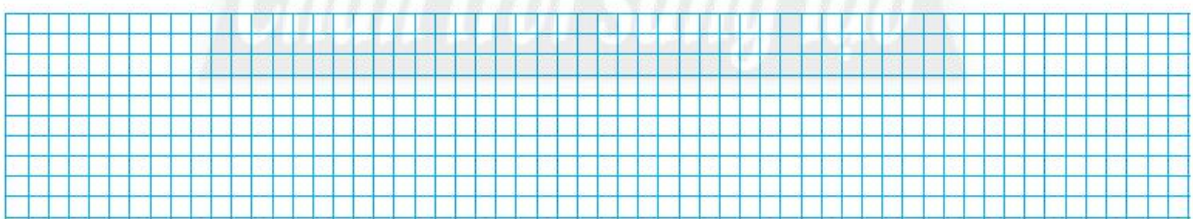
Điều em biết thêm:
.....
.....



Ôn tập 2 (SGK, tr.148)

1. Nghe – viết: Cánh cửa nhớ bà (2 khổ thơ cuối).





2. Điền tiếng phù hợp vào chỗ trống trong bảng dưới đây:




Âm đầu	c	k	g	gh	ng	ngh
Vần						
im hoặc iêm		kim				
an hoặc ang						

(3) Điền vào chỗ trống:

a. Chữ **ch** hoặc chữ **tr**.

.....ăm làm

.....ông mong

.....ong lành

.....úc mừng

b. Vần **ui** hoặc vần **uôi** và thêm dấu thanh (nếu cần).

gần g.....

n..... nấng

cắm c.....

c..... cùng

4. Điền dấu câu phù hợp vào ☐.

Vừa thấy cô giáo, chú bộ đội bước nhanh tới, vội ngả chiếc mũ xuống:

– Em chào cô ạ!

Cô giáo bỗng đứng sững lại ☐ Chúng em cũng nín lặng vây quanh ☐

– Thưa cô, em về thăm sức khỏe của cô!

Cô giáo như chợt nhớ ra:

– Ô ☐ Em Thanh! Em lái máy bay à ☐ Em còn nhớ cô ư ☐

– Thưa cô, dù bao nhiêu năm nữa, dù đi đâu rất xa, em vẫn là học sinh cũ của cô, đã từng được cô dìu dắt, dạy bảo ☐

Theo Phong Thu

5. Viết 4 – 5 câu tả một đồ vật trong nhà dựa vào gợi ý:

a. Em tả đồ vật gì?

b. Đồ vật đó có những đặc điểm gì nổi bật?

Hình dáng

Kích thước

Màu sắc

Chất liệu

c. Tình cảm của em với đồ vật đó.

A large rectangular area filled with a light blue grid pattern, intended for the student to write their descriptive sentences.A smaller rectangular area filled with a light blue grid pattern, likely for additional notes or a second writing prompt.

ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I (SGK, tr.151)

A. ĐỌC THÀNH TIẾNG CÂU CHUYỆN SAU:

Cá chuồn tập bay

Cá chuồn con chưa bao giờ được bay lên khỏi mặt nước. Phong cảnh dưới lòng biển đã đẹp nhưng trên khoảng không cũng lắm điều kì thú. Vào một buổi sáng mùa thu, nước biển trong vắt, cá chuồn con được mẹ đưa đi tập bay. Bài học bay mẹ dạy, chú đã thuộc lòng, vậy mà chú vẫn hồi hộp.

Tiếng hô "Phóng!" của mẹ vừa dứt, chú vút lên như một mũi tên. Toàn thân chú đột nhiên nhẹ bồng, sáng lấp lánh trong ánh mặt trời. Một khung cảnh mới mẻ, tươi đẹp mở oà ra trước mắt. Những con tàu bông bênh trên mặt nước. Những con sóng bọt tung trắng xoá. Đàn hải âu dập dờn phía xa.

Cá chuồn xoè đôi cánh trước ngực, liệng một đường thật ngoạn mục rồi lại nhẹ nhàng đáp xuống mặt nước. Tất cả chỉ diễn ra trong vòng mấy giây đồng hồ. Giờ đây, chuồn con đã biết thế nào là bầu trời bao la. Và một điều còn quan trọng hơn thế là chú đã trở thành cá chuồn thật sự.

Theo Trần Đức Tiến



B. ĐỌC BÀI SAU:

Bữa tiệc ba mươi sáu món

Trước hôm nghỉ Tết, cô Dung nói với cả lớp: "Ngày mai, chúng ta bày tiệc tiễn năm cũ, đón năm mới. Mỗi em hãy mang tới lớp một món đãi bạn."

Bạn Hưng góp kẹo trái cây. Bạn Nhung góp những trái vú sữa tròn vo căng mọng hái từ vườn nhà. Bạn Hương góp mút dưa làm cùng bà ngoại. Mỗi bạn một món, đủ thứ. Đã có bánh da lợn ướt, lại có bánh lỗ tai heo khô giòn rụm. Đã có hạt dưa nhỏ bằng móng ngón tay út sơn son, lại có bánh phồng khoai to, tròn vo. Còn những miếng dưa hấu mới xẻ thì cong vút như cái miệng rộng cười hết cỡ. Khó mà kể hết các món ngon trong một bữa tiệc lớn như vậy.

Bữa tiệc của ba mươi lăm bạn lớp 2B có đến ba mươi sáu món. Món nào cũng ngon và lạ. Chưa kịp biết hết tên thì đã hết sạch!

Theo Trần Quốc Toàn

Chân trời sáng tạo

Dựa vào bài đọc trên, em hãy:

1. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước ý trả lời đúng cho các câu hỏi dưới đây:

a. Cô Dung đề nghị cả lớp bày tiệc đón năm mới bằng cách nào?

- ☐ Mỗi bạn mang một món đãi bạn.
- ☐ Mỗi bạn mang hai món đãi bạn.
- ☐ Mỗi bạn mang nhiều món đãi bạn.

b. Ba bạn Hưng, Nhung, Hương đã góp những món nào?

☐ keo trái cây, vú sữa, dưa hấu

☐ keo trái cây, vú sữa, mút dừa

☐ bánh phồng, keo trái cây, vú sữa

c. Nội dung chính của câu chuyện là gì?

☐ Kể tên các loại bánh.

☐ Kể về bữa tiệc cuối năm.

☐ Kể các món ăn ở quê.

d. Dòng nào dưới đây chỉ gồm tên riêng chỉ người?

☐ Hương, 2B, Hưng

☐ Nhung, Hương, Tết

☐ Hưng, Nhung, Hương

e. Trong câu "Ngày mai, chúng ta bày tiệc tiễn năm cũ, đón năm mới.", các từ ngữ nào chỉ hoạt động?

☐ bày, tiệc, đón

☐ bày, đón, tiễn

☐ tiêc, tiễn, đón

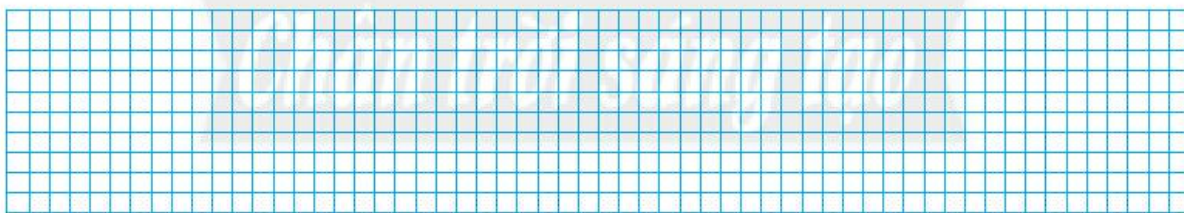
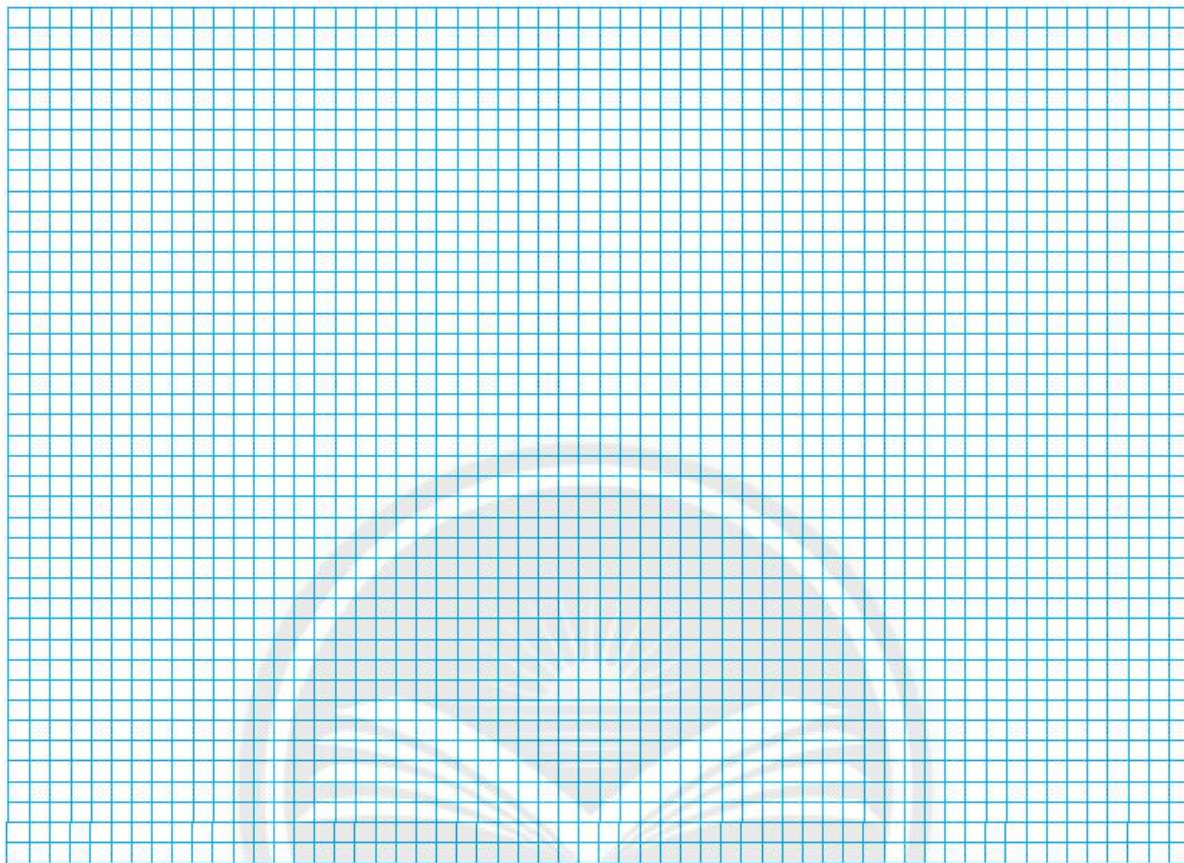
2. Viết câu trả lời cho câu hỏi sau:

Vì sao bữa tiệc có đến ba mươi sáu món?



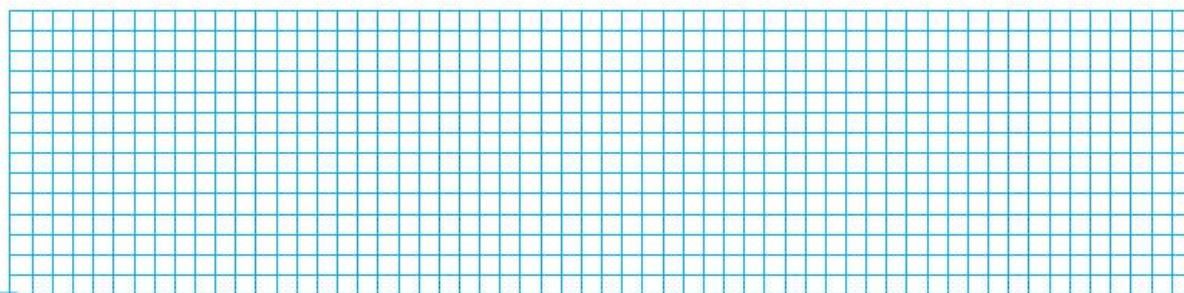
C. VIẾT

1. Nghe – viết: **Bữa tiệc ba mươi sáu món** (từ Mỗi bạn một món đến tròn vo).



2. Điền dấu câu phù hợp vào □. Chép lại đoạn văn.

Bữa tiệc cuối năm của lớp em thật tuyệt □ cả lớp đều vui
vẻ □ cô Dung cũng rất vui □



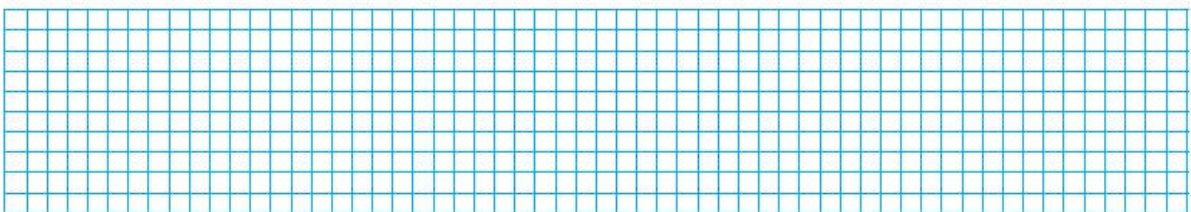
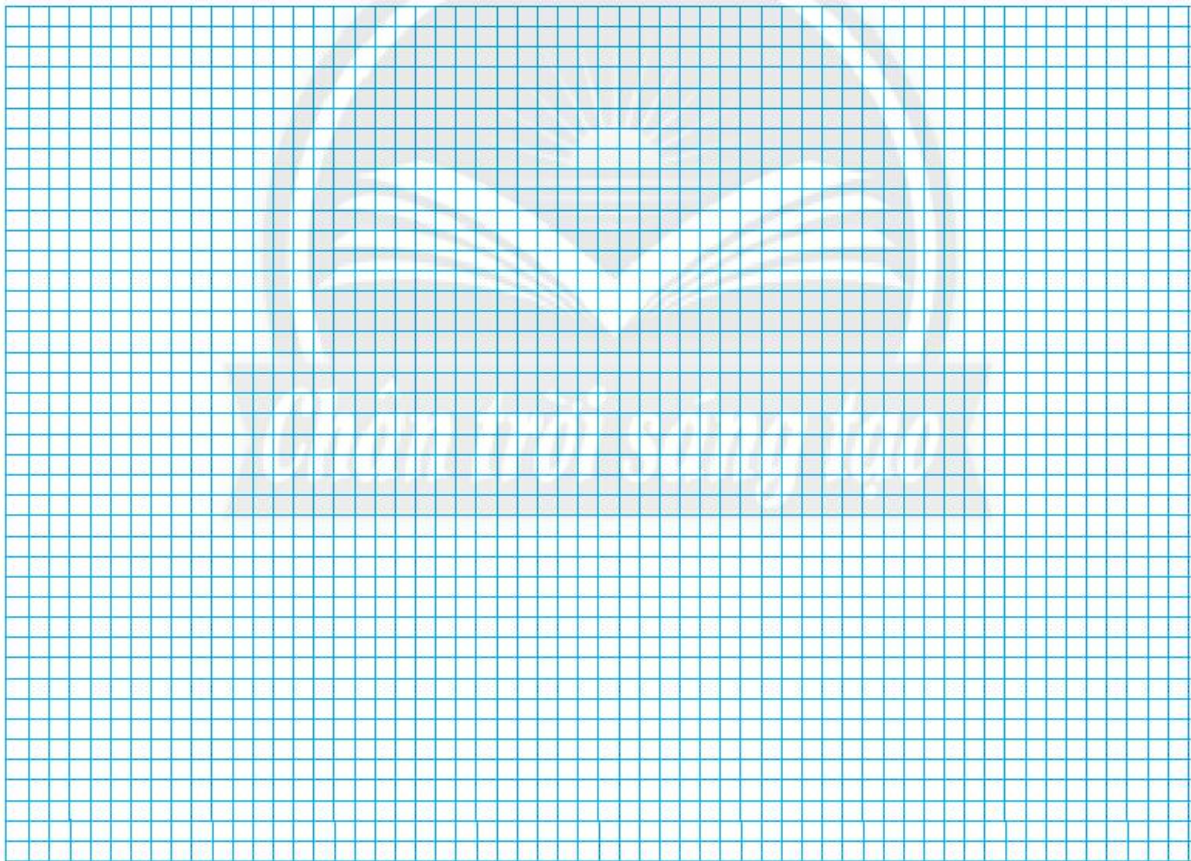
3. Điền chữ **d** hoặc chữ **gi** vào chỗ trống:

Bácưa hấu cười anh mút mãng cầu bị bịt mắt trong miếngấy. Trông anhống hệt như đang chơi trò bịt mắt bắtê ngay trên bàn tiệc.

Theo Trần Quốc Toàn

4. Viết 4 – 5 câu giới thiệu một đồ dùng học tập dựa vào gợi ý:

- Em sẽ giới thiệu đồ vật gì?
- Đồ vật đó có những bộ phận nào?
- Đồ vật đó giúp gì cho em?



D. NGHE ĐỌC CÂU CHUYỆN SAU:

Dòng suối và viên nước đá

Trong cơn mưa đá, một viên nước đá lóng lánh như kim cương rơi xuống ven suối. Dòng suối trông thấy, liền vui vẻ nói:

– Chào bạn, mời bạn cùng đi với mình để ra sông, về biển!

Viên nước đá khinh khỉnh đáp:

– Anh đục ngầu thế kia, tôi đi cùng sao được! Trời xanh kia mới là bạn của tôi!

Dòng suối cười xoa rồi ào ào chảy ra sông, xuôi về biển cả. Viên nước đá trơ lại một mình. Một lát sau, nó tan ra rồi biến mất.

Theo Dương Văn Thoa

1. Dựa vào câu chuyện vừa nghe, đánh dấu ✓ vào ☐ đặt trước ý trả lời đúng cho các câu hỏi dưới đây:

a. Hai nhân vật nào có trong câu chuyện?

☐ trời xanh, dòng suối

☐ dòng suối, viên nước đá

☐ viên nước đá, biển cả

b. Viên nước đá có thái độ thế nào khi dòng suối mời nó cùng đi?

☐ xem thường

☐ yêu thương

☐ kính trọng

c. Câu chuyện kết thúc như thế nào?

- ☐ Viên nước đá cùng dòng suối ra biển.
- ☐ Viên nước đá nằm cười xòa rồi ra biển.
- ☐ Dòng suối chảy đi, viên nước đá tan ra và biến mất.

2. Nói về điều em học được từ câu chuyện *Dòng suối và viên nước đá*.





HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ VỞ BÀI TẬP LỚP 2 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Vở bài tập
TIẾNG VIỆT 2 – TẬP MỘT
2. Vở bài tập
TIẾNG VIỆT 2 – TẬP HAI
3. TẬP VIẾT 2 – TẬP MỘT
4. TẬP VIẾT 2 – TẬP HAI
5. Vở bài tập
TOÁN 2 – TẬP MỘT
6. Vở bài tập
TOÁN 2 – TẬP HAI
7. Vở bài tập
TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2
8. Vở bài tập
ĐẠO ĐỨC 2
9. Vở bài tập
ÂM NHẠC 2
10. Vở bài tập
MĨ THUẬT 2
11. Vở bài tập
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 2

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.



ISBN 978-604-0-25586-0



9 786040 255860

Giá: 17.000 đ